

**Báo cáo tốt nghiệp:**  
**“Công tác trả lương tại Công ty TNHH tiếp  
vận VINAFCO”**

LỜI NÓI ĐẦU

Đứng trước xu hướng khu vực hoá và toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới, Việt Nam đang nỗ lực để có thể tham gia chính thức vào các tổ chức kinh tế như: Liên kết khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Điều này cũng có nghĩa là đặt Việt Nam trước thách thức phải mở cửa cho nước ngoài đầu tư vào một số ngành. Để tồn tại và phát triển trong một thị trường có cạnh tranh, giải pháp quan trọng với mọi doanh nghiệp nói chung là sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Trong điều kiện đó các doanh nghiệp cần nắm bắt đầy đủ, kịp thời mọi thông tin về tình hình tài chính, tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, nâng cao chất lượng thông tin kế toán.

Trong hai năm học tại trường, em đã được các thầy cô chỉ bảo tận tình giúp em trang bị các kiến thức cần thiết; nắm bắt cơ bản được phần hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp và được thực hành trên máy vi tính của nhà trường. Song nếu chỉ học lí thuyết thì chưa đủ để có thể làm việc tại một doanh nghiệp, bởi hạch toán kế toán là một công tác quản lí kinh tế rất quan trọng của một doanh nghiệp. Để ra trường em có thể làm tốt được công việc chuyên môn, biết được nhiệm vụ của một kế toán phải làm những gì, hạch toán lưu trữ chứng từ như thế nào và cách thức quản lí một doanh nghiệp ra sao....Ghi chép sổ sách chứng từ như thế nào và cách thức quản lí một doanh nghiệp ra sao....thì việc đi thực tập đối với em là rất cần thiết.

Đi thực tập em sẽ làm thực tế công việc mà trong tương lai mình sẽ làm để từ đó rút ra được những gì mình còn thiếu sót, chưa hiểu, những gì cần khắc phục trong khi làm công tác kế toán. Do đó được sự giới thiệu của trường Đào tạo và bồi dưỡng CBCC ngành GTVT em đã liên hệ đến Công ty TNHH tiếp vận

VINAFCO. Tại đây em đã cố gắng hạn chế đến mức tối thiểu sự sai sót trong khi làm việc và trong quá trình thực tập em đã hoàn thành “Báo cáo tốt nghiệp”.

## CHƯƠNG I : NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

### **I/ Đặc điểm chung của doanh nghiệp.**

#### ***1. Quá trình hình thành và phát triển của doanh nghiệp***

*Quá trình hình thành và phát triển qua các giai đoạn lịch sử:*

Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO tiền thân là Xí nghiệp Đại lý vận tải – vật tư kỹ thuật.

– Giai đoạn 1 : Xí nghiệp đại lý vận tải – vật tư kỹ thuật của công ty dịch vụ vận tải trung ương thuộc Bộ Giao Thông Vận Tải được thành lập vào ngày 15/11/1990 với nhiệm vụ làm đại lý vận tải, liên hiệp vận chuyển hàng hoá từ kho đến kho, tổ chức cung ứng vật tư kỹ thuật cho các tổ chức kinh tế trong và ngoài ngành GTVT, với tên giao dịch là Công ty Dịch vụ vận tải Trung ương.

– Giai đoạn 2 : Năm 2001 là một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử phát triển của công ty, đó là việc chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ vận tải Trung ương thành Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO theo quyết định số 211/ 2001/ QĐ/ BGTVT của Bộ Giao Thông Vận Tải. Công ty đã thay đổi, phát triển về nhiều mặt như : vốn, tài sản, lao động, thu nhập và đặc biệt là hoạt động theo luật doanh nghiệp và Điều lệ của công ty cổ phần. Công ty đã phát hành cổ phiếu huy động thêm từ các cổ đông là cán bộ công nhân viên, nâng số vốn điều lệ của công ty cổ phần đầu tư 3 tỷ lên 10 tỷ đồng, từ một doanh nghiệp nhỏ đã trở thành một doanh nghiệp vừa về vốn kinh doanh từ 81 tỷ đồng đã tăng lên 131 tỷ đồng.

– Giai đoạn 3 : Ngày 03/07/2003 Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO đã được thành lập theo quyết định số 118/HĐQT của hội đồng quản trị công ty cổ

## BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

---

phần VINAFCO, hoạt động theo mô hình công ty TNHH một thành viên với chủ sở hữu là Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO .

Tên giao dịch : VINAFCO LOGISTICS COMPANY LIMITED

Địa chỉ trụ sở chính: Số 33C Cát Linh, phường Cát Linh, Đống Đa – Hà Nội

Các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của công ty gồm:

+ Kinh doanh kho bãi, bốc xếp, bảo quản, phân phối các loại hàng hoá thông qua trung tâm tiếp vận.

+ Vận tải hình thức, vận tải hàng hoá bằng đường biển, đường sông , đường bộ, đường sắt trong và ngoài nước, tổ chức đưa hàng từ kho đến kho phục vụ theo yêu cầu của khách hàng.

+ Nhận uỷ thác xuất nhập khẩu hàng hoá, làm thủ tục hải quan cho các chủ hàng, kinh doanh nhập khẩu phương tiện, thiết bị vận tải.

+ Vận chuyển hàng quá cảnh tới Trung Quốc, Lào Campuchia, Thái Lan.

+ Mua bán cát Cam Ranh, cát khuôn đúc, đá vôi, thạch cao, than, vật liệu xây dựng, quặng các loại, lương thực, ngô, sắn, xút, phèn, phân bón các loại, muối các loại.

+ Dịch vụ sơn, sửa chữa, trung đại tu Container và thiết bị giao thông vận tải.

– Nhằm chuẩn hoá hệ thống quản lí chất lượng dịch vụ đảm bảo “phục vụ tối đa nhu cầu của khách hàng” Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO đã tiến hành xây dựng và áp dụng hệ thống quản lí chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001-2000 và đã được tổ chức GLOBAL của Vương quốc Anh cấp chứng chỉ vào tháng 11/2003. Đến nay VINAFCO LOGISTICS luôn được đánh giá bởi khả năng đáp ứng được nhu cầu của khách hàng một cách tối ưu nhất với chất lượng

## BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

---

phục vụ luôn được đảm bảo bởi việc duy trì và áp dụng hệ thống quản lí chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2001.

Trải qua 15 năm kinh nghiệm (1990-2005) Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO đã xây dựng và phát triển một hệ thống các đại diện, hệ thống trung tâm tiếp vận đạt tiêu chuẩn quốc tế, hệ thống các phương tiện vận tải, đa dạng về chủng loại, cùng với đội ngũ cán bộ chuyên môn, nhiệt tình, giàu kinh nghiệm. Trong những năm qua, Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO luôn khẳng định được uy tín và vị trí hàng đầu trong ngành hoạt động kinh doanh tiếp vận ở Việt Nam.

### *Vị trí kinh tế của doanh nghiệp trong nền kinh tế.*

–Trong suốt quá trình tồn tại và phát triển của mình, Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO đã không ngừng lớn mạnh và phát triển về nhiều mặt và trên nhiều lĩnh vực. Đặc biệt không thể phủ nhận một thành tựu đó là sự ra đời của lĩnh vực logistics, công ty đã mở đầu cho lĩnh vực này phát triển tại Việt Nam với sản lượng hàng hoá thực hiện, doanh thu và lợi nhuận tăng đều qua các năm.

–Thị trường của công ty không ngừng được mở rộng, với tuyến hoạt động chủ yếu là Bắc – Nam tạo ra được một khoản doanh thu từ thị trường này là ổn định. Công ty đã tập trung khai thác thị trường tiềm năng đặc biệt là những khách hàng chất lượng cao đòi hỏi chất lượng phục vụ tốt hơn như : Honda, VMEP, gang, Sữa Hà Nội, INAX(cát, penspat...),Cao su sao vàng...Hiện tại thị trường phương tiện của công ty đa dạng và ổn định hơn trước nhiều vì ngoài những phương tiện hiện có, công ty còn có một mạng lưới các đại lý vận tải thuê ngoài mang biểu tượng của công ty có thể huy động bất cứ lúc nào tạo ra sự nhanh chóng, thuận tiện. Hiện tại số lượng khách hàng đã đăng ký là 270 khách hàng, số đã kí hợp đồng là 95 và số lô hàng thực hiện đều đặn hàng tháng là 55 lô.

–Trong những năm qua công ty cũng đã thành công trong việc tiến hành vận tải quá cảnh hàng hoá thông qua nước thứ 3 như Lào, Thái Lan và kí kết hợp đồng đại lí với một số công ty giao nhận nước ngoài có uy tín. Sắp tới việc đưa vào sử dụng điểm thông quan ngoài cửa khẩu VINAFCO tại Cảng Hà Nội 78 Bạch Đằng và dự án mở rộng 15000 m<sup>2</sup> kho bãi tại khu công nghiệp Tiên Sơn – Bắc Ninh sẽ nâng cao vị thế, uy tín và tăng cường khả năng cung cấp dịch vụ của công ty đối với khách hàng trong và ngoài nước ; quyết tâm khẳng định thương hiệu “Công ty tiếp vận hàng đầu tại Việt Nam” là mục tiêu của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty.

### *Một số chỉ tiêu của công ty trong năm 2005*

–Tổng doanh thu của công ty đạt 67,36 tỷ đồng tăng 18% so với năm 2004

–Thu nhập chịu thuế của công ty đạt 3,316 tỷ đồng tăng 26,6% so với năm 2004

–Số vốn kinh doanh của công ty là 145 tỷ đồng

–Số lượng công nhân viên trong công ty là : 200 người

–Thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên đạt 2039000đ/người/tháng

→Từ các chỉ tiêu trên của công ty ta nhận thấy doanh thu tăng đáng kể so với năm 2004 là do công ty đã chú trọng đầu tư máy móc thiết bị, chú trọng tới việc nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và thu hút được một khối lượng lớn khách hàng. Lợi nhuận trước thuế của công ty tăng 26,6% nên dẫn đến lợi nhuận sau thuế cũng tăng theo và mức lợi nhuận đóng góp cho công ty tăng lên, đặc biệt thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên trong công cao hơn nhiều so với mặt bằng chung của xã hội. Những kết quả này cho thấy khả năng thực tế của công ty trong lĩnh vực kinh doanh của mình và có thể khẳng định rằng hoạt động thực tế của công ty trong lĩnh vực kinh doanh của công ty là có hiệu quả.

Tuy nhiên qua quá trình tìm hiểu em còn thấy mặc dù doanh thu cao, lợi nhuận cao nhưng chi phí quản lí công ty cũng ở mức khá cao, nhất là hành chính phí. Nếu trong những năm tới có thể giảm bớt khoản này thì chắc chắn rằng việc kinh doanh sẽ có hiệu quả hơn.

–Nhìn chung sản lượng hàng hoá được thực hiện tăng liên tục, ở mọi dạng kinh doanh dịch vụ của công ty đều tăng ở mức khá. Đặc biệt sản lượng của dịch vụ vận tải, giao nhận, áp tải và phân phối hàng hoá chiếm tỷ trọng nhiều nhất trong tổng sản lượng hàng hoá thực hiện được. Trung tâm phân phối hàng hoá (logistics) là một lĩnh vực mới của công ty cũng như ở Việt Nam nhưng sản lượng hàng hoá qua 5 năm thực hiện từ 2001 – 2005 đã tăng tương đối nhanh, sản lượng năm 2001 chỉ là 37.478 tấn đến năm 2005 con số này là 96.280 tấn, tăng hơn 2,5 lần so với năm 2001. Và trong tương lai, mặt bằng kho bãi được nâng cấp hơn nữa, cộng với các trang thiết bị máy móc đi kèm thì chắc lĩnh vực này sẽ còn phát triển hơn nữa và có thể trở thành vị trí chủ chốt trong hoạt động kinh doanh của công ty.

### ***2. Chức năng , nhiệm vụ của Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO***

-- Công ty TNHH tiếp vận Vinafco tổ chức hạch toán độc lập, hàng kỳ sẽ mời kiểm toán viên về để kiểm tra công tác kế toán tại công ty và nộp báo cáo kế toán theo tháng, quý, năm cho “công ty mẹ” là công ty Cổ phần tiếp vận Vinafco.

–Thực hiện công tác đại lý vận tải theo sự uỷ thác của chủ hàng và chủ phương tiện.

–Tổ chức cung ứng vật tư kĩ thuật và hàng hoá phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và của các tổ chức kinh tế trong và ngoài ngành theo sự uỷ thác của các hợp đồng kinh tế.

## BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

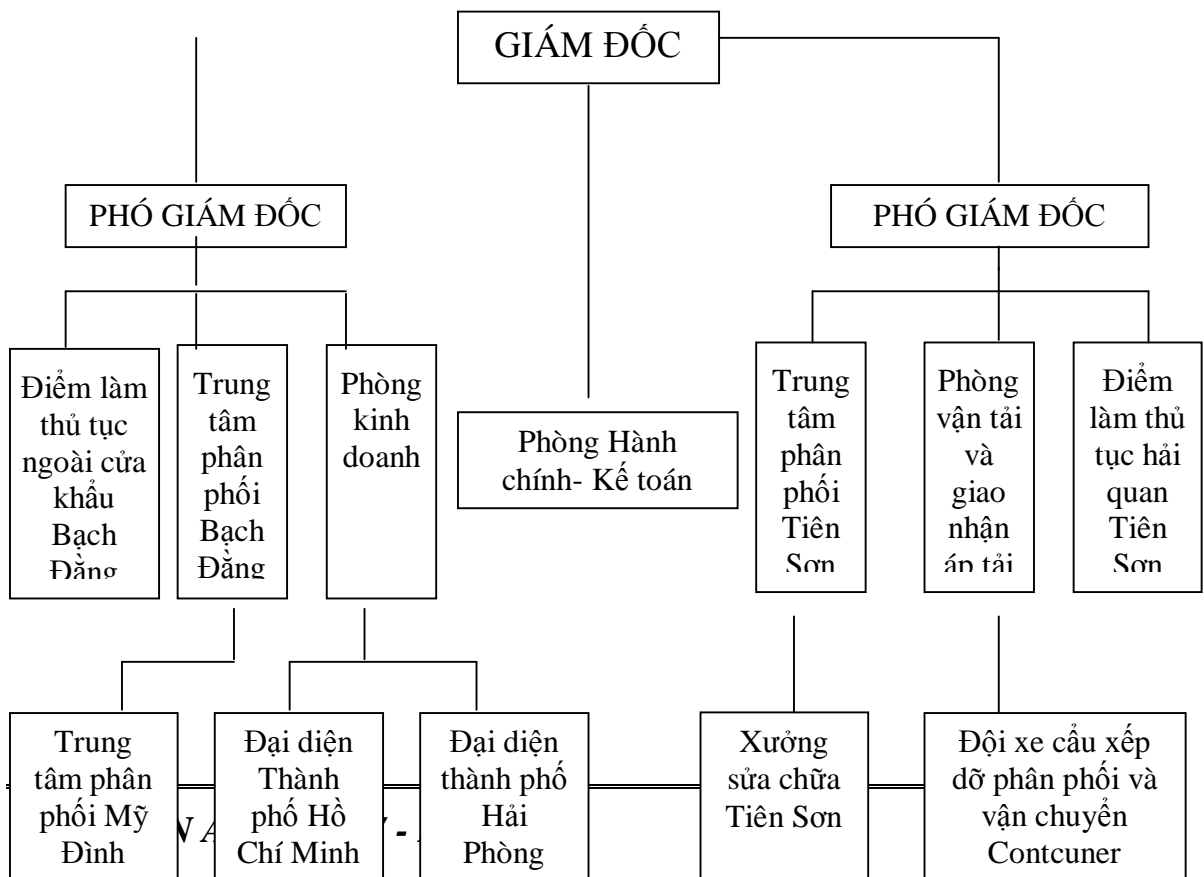
–Tổ chức lại mạng lưới các cửa hàng, quầy hàng đảm bảo lưu thông tiêu thụ xi măng theo định hướng kế hoạch.

–Tổ chức tốt công tác tiếp thị để nắm bắt nhu cầu về vận tải hàng hoá trên và tiêu thụ xi măng trên thị trường.

–Quan hệ chặt chẽ với các cơ quan bảo vệ pháp luật và quản lí thị trường, các ngành có liên quan để góp phần duy trì kỉ cương trong lĩnh vực kinh doanh.

### 3. Công tác tổ chức quản lí, tổ chức bộ máy kế toán của doanh nghiệp

#### Tổ chức bộ máy quản lí của doanh nghiệp





–Ban giám đốc của Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO gồm 1 giám đốc và 2 phó giám đốc

+Giám đốc là người lãnh đạo cao nhất của công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật trước tập thể người lao động về toàn bộ hoạt động của công ty; chịu trách nhiệm quản lí, sử dụng và bảo toàn vốn của công ty. Giám đốc công ty do hội đồng quản trị Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO đề cử.

+Phó giám đốc do giám đốc công ty bổ nhiệm sau khi đã thông qua ý kiến của hội đồng quản trị Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO. Số lượng phó giám đốc sẽ phụ thuộc vào yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong từng thời kì của công ty. Hiện tại 2 phó giám đốc được giao phụ trách chính các công việc sau:

1 Phó giám đốc phụ trách Trung tâm tiếp vận Bạch Đằng và phòng kinh doanh

1 Phó giám đốc phụ trách Trung tâm tiếp vận Tiên Sơn và phòng vận tải – giao nhận áp tải.

+Phòng kinh doanh đưa ra những phương án kinh doanh khả thi đồng thời là những người trực tiếp tham gia vào quá trình xúc tiến các phương án kinh doanh được duyệt.

+Phòng vận tải, giao nhận áp tải: cung cấp các dịch vụ từ cảng đến kho từ kho đến cảng theo yêu cầu của khách hàng.

+Phòng kế toán hành chính dưới sự quản lí của giám đốc công ty thực hiện chức năng phân phối và điều hoà vốn kinh doanh cho các bộ phận trong Công ty, kiểm soát các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, thực hiện công tác hạch toán kế toán.

+Các trung tâm phân phối: cung cấp các dịch vụ tiếp vận theo quy trình: vận chuyển hàng hoá từ nơi sản xuất tiếp nhận đến kho, lưu kho, bảo quản, đóng gói, bốc xếp, xuất nhập hàng, phân phối đến các đại lí tiêu thụ bằng ô tô; tiếp nhận nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước, tổ chức vận tải về kho, bảo quản và cung cấp đến các nhà sản xuất theo tiến độ thời gian mà nhà sản xuất yêu cầu.

### *Tổ chức bộ máy kế toán.*

#### 3.2.1 Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu của bộ phận kế toán.

##### a. Chức năng của bộ phận kế toán:

– Là bộ phận hạch toán kế toán theo chế độ của nhà nước, thống kê thanh toán tiền hàng, kế toán tài vụ, quản lí tài chính, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế qua các số liệu thống kê kiểm tra thu chi.

– Lập các báo cáo tài chính giúp ban giám đốc và các phòng ban liên quan có thể kịp thời theo dõi chỉ đạo các hoạt động kinh doanh của công ty.

##### b. Nhiệm vụ của bộ phận kế toán.

– Thu thập, xử lí thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán.

– Kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ, kiểm tra việc quản lí, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản, phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính kế toán.

– Phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế tài chính của đơn vị kế toán.

– Cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của pháp luật.

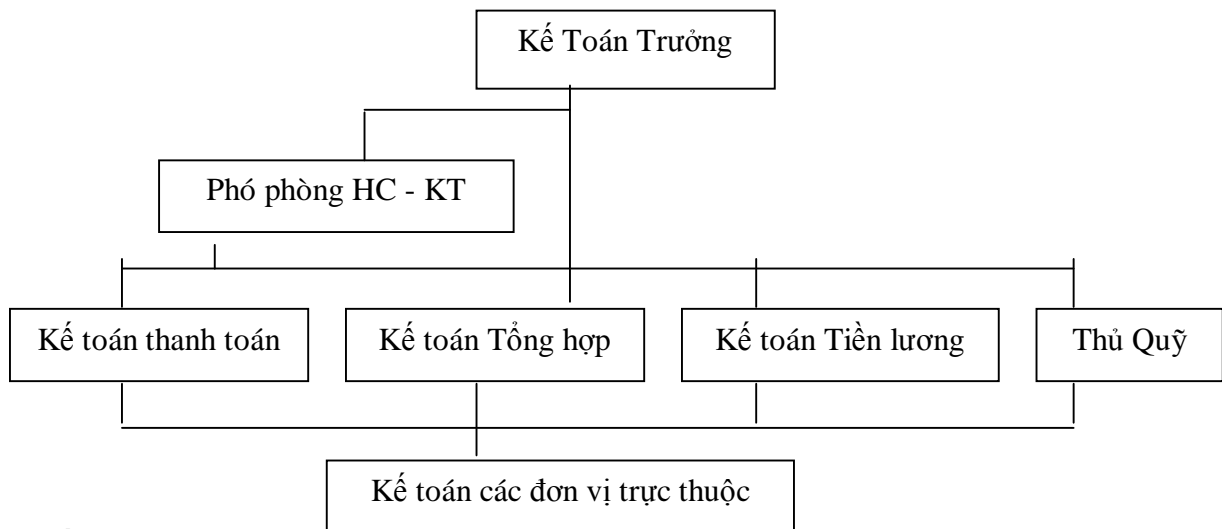
c. Cơ cấu của phòng hành chính kế toán:

–Phòng hành chính kế toán gồm 2 bộ phận: Bộ phận hành chính và Bộ phận kế toán:

+Bộ phận hành chính: là bộ phận tổ chức nhân sự, bố trí cán bộ trong công ty, điều lao động nội bộ đồng thời quản lí bộ máy hành chính phân bố mạng lưới kinh doanh, xây dựng các chế độ, chính sách với người lao động.

+Bộ phận kế toán: là bộ phận cân đối thu chi, chịu trách nhiệm trước công ty về việc thực hiện các chức năng kế toán, kiểm tra việc chấp hành các chính sách của nhà nước và lập các báo cáo tài chính.

### 3.2.2 Tổ chức bộ máy kế toán.



–Kế toán trưởng :

+Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tình hình tài chính của công ty.

## BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

---

+Tham mưu cho giám đốc công ty về mặt tài chính để kí kết các hợp đồng kinh tế.

+Kiểm tra và phê duyệt các chứng từ hợp lí, hợp lệ và hợp pháp mà cấp dưới trình.

+Cân đối nguồn tài chính toàn công ty, tham mưu cho giám đốc điều chỉnh kế hoạch sản xuất cho phù hợp và có hiệu quả cao.

–Phó phòng hành chính kế toán :

+Hạch toán định mức các loại hàng hoá, dịch vụ cung cấp.

+Thực hiện chủ trương chính sách của nhà nước.

+Đối chiếu với các đơn vị trực thuộc và thành viên kế toán có liên quan về

+các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ở các đơn vị.

+Báo cáo số liệu tổng hợp cho kế toán trưởng.

–Kế toán thanh toán:

+Lập chứng từ thu chi tài chính, lên sổ sách và kế toán đối chiếu với thủ quỹ.

+Cập nhật giấy báo nợ, báo có lên sổ dư hàng ngày, báo cáo kế toán trưởng và lên chứng từ ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

–Kế toán tổng hợp:

+Theo dõi công nợ của khách hàng.

+Thanh tra các khoản tiền do bộ phận yêu cầu bằng các chứng từ gốc thông qua kế toán chuyên quản kiểm tra, đã được lãnh đạo phê duyệt;

–Kế toán tiền lương:

+Thanh toán nội bộ theo các quy định của nhà nước và quy chế của Công ty như tiền lương, bảo hiểm xã hội.

–Thủ quỹ:

## BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

---

+Quản lí tiền mặt, kiểm tra tính pháp lí của chứng từ gốc có liên quan đến nghiệp vụ thu chi tiền mặt trước khi thực hiện thu hoặc chi.

+Lên báo cáo quỹ hàng ngày, đối chiếu với sổ TM (kế toán thanh toán) và báo cáo số liệu tổng hợp cuối ngày cho Phó phòng kế toán và Kế toán trưởng.

–Kế toán đơn vị trực thuộc:

+Có nhiệm vụ quản lí, kiểm tra giám sát mọi hoạt động của đơn vị từ khách hàng cho đến toàn bộ chi phí phát sinh trong niên độ kế toán, cùng với lãnh đạo và phụ trách kế toán đơn vị lập kế hoạch sản xuất kinh doanh.

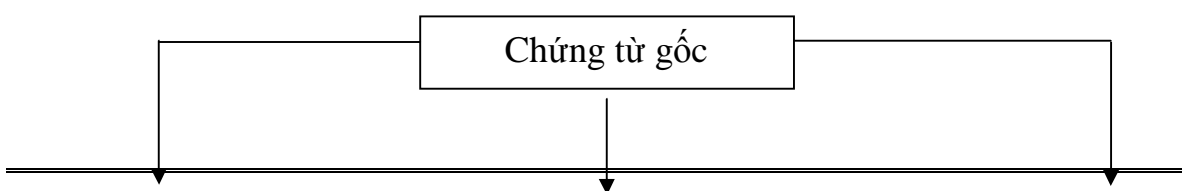
+Lên sổ sách tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến đơn vị mình quản lí, chuyển chứng từ cùng sổ sách liên quan về phòng hành chính kế toán tại công ty mẹ vào ngày làm việc thứ năm của tuần.

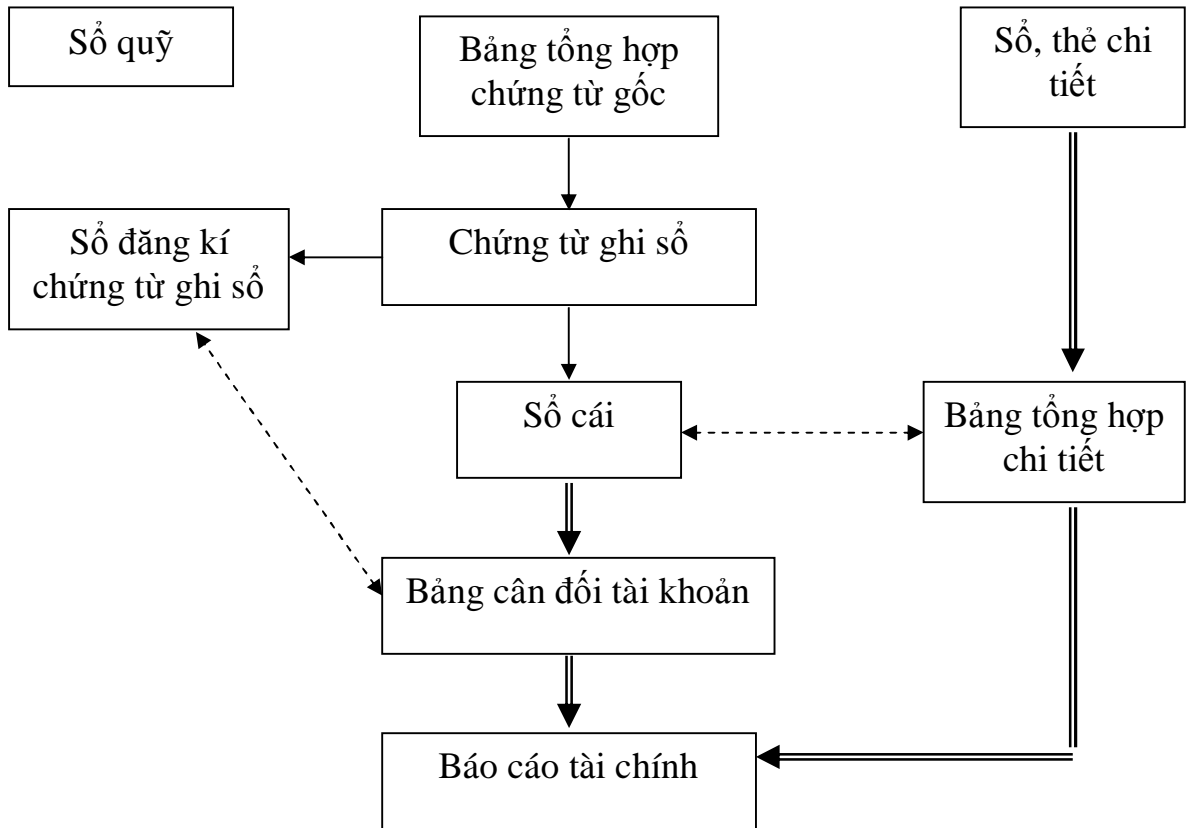
### 3.2.3 Hình thức kế toán đơn vị đang áp dụng:

–Hiện nay Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO tổ chức công tác kế toán theo mô hình kiểu tập trung. Toàn bộ công tác kế toán được tiến hành tập trung tại phòng kế toán Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO; ở các đơn vị bộ phận trực thuộc như B: Trung tâm tiếp vận Bạch Đằng, Tiên Sơn , Mỹ Đình,.....không tổ chức bộ máy kế toán riêng mà bố trí nhân viên làm nhiệm vụ hướng dẫn kiểm tra công tác kế toán ban đầu, thu nhận kiểm tra chứng từ, ghi chép sổ sách, hạch toán nghiệp vụ để phục vụ cho yêu cầu quản lí của từng đơn vị trực thuộc; Sau đó lập báo cáo nghiệp vụ và chuyển chứng từ cùng báo cáo về phòng kế toán tại Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO để xử lí và tiến hành công tác kế toán .

–Để phù hợp với mô hình tổ chức công tác kế toán Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO đang áp dụng hình thức “Chứng từ ghi sổ” để hạch toán kế toán:

**Sau đây là sơ đồ trình tự hạch toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ:**

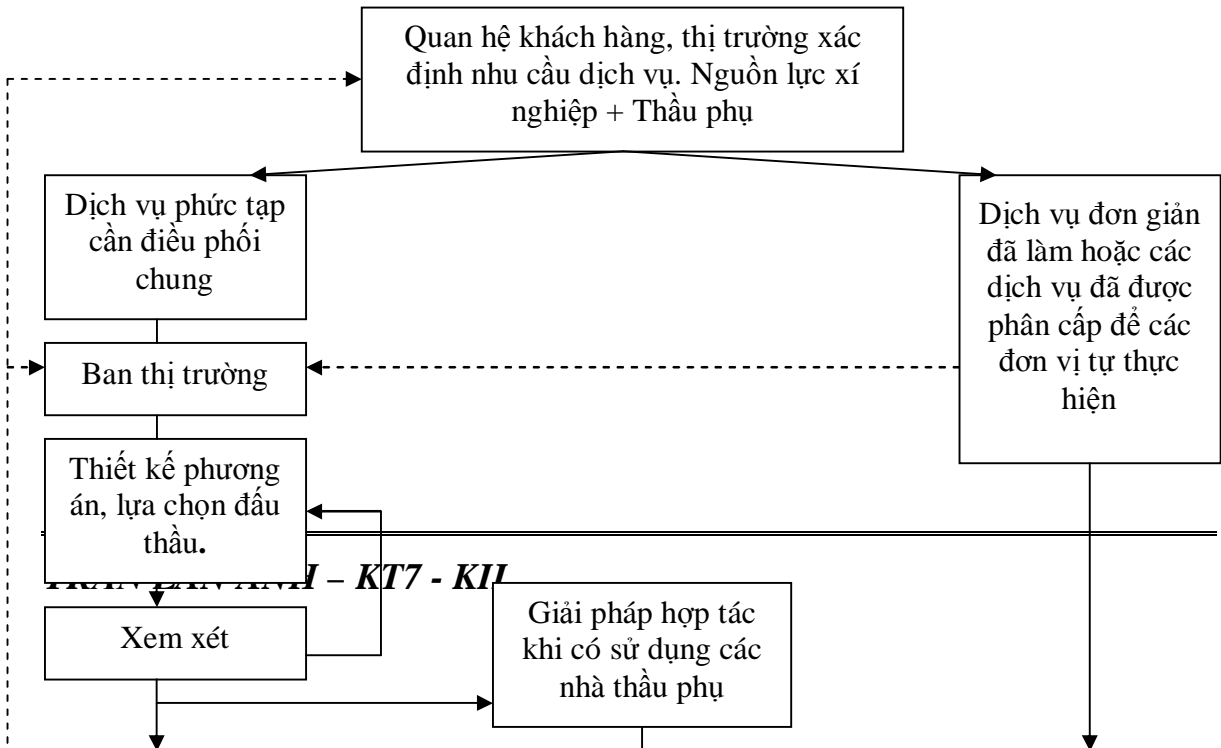




Ghi chú :     →         : ghi hàng tháng  
                   ←--->     : ghi cuối tháng  
                   ==>       : Đối chiếu, kiểm tra.

**4. Tổ chức sản xuất . Quy trình sản xuất kinh doanh chính của công ty:**

Sơ đồ : Tiến trình thực hiện các loại hình dịch vụ logistics



Tiến trình thực hiện

Quá trình thông tin  
2 chiều

**II/ Các phân hành kế toán tại Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO :**

***1. Phân hành nghiệp vụ kế toán vốn bằng tiền:***

*1.1 Các chứng từ, sổ sách tài khoản sử dụng tron kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO .*

–Chứng từ sử dụng gồm:

+Phiếu thu, phiếu chi.

+Giấy báo nợ, giấy báo có, Bảng sao kê, Sổ phụ, Ủy nhiệm chi, Ủy nhiệm thu.....

–Sổ sách sử dụng gồm:

+Sổ quỹ

+Sổ chi tiết tiền gửi ngân hàng.

+Sổ cái TK111,TK112.

–Tài khoản sử dụng gồm: TK 111,TK 112 với Mã cấp của Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO là: “05”

Chi tiết TK111: TK1111050: Tiền mặt VN Văn phòng công ty

TK1111051: Tiền mặt VN Trung tâm Tiên Sơn

TK1111055: Tiền mặt VN Văn phòng đại diện TP HCM

TK111205: Tiền mặt ngoại tệ

TK111305: Vàng bạc, kim khí quý, đá quý.

Chi tiết TK112: TK1121051: Tiền VND gửi NHCT KV II Hai Bà Trưng

TK1121052: Tiền VND gửi Ngân hàng Nông Nghiệp

TK1121053: Tiền VND gửi Ngân hàng Ngoại Thương

VN

TK1121055: Tiền VND gửi Ngân hàng NN TP HCM

(VPĐDTP HCM)



TK1122051: Tiền ngoại tệ gửi NHCT KV II Hai Bà  
Trung

TK1122052: Tiền VND gửi Ngân hàng Nông Nghiệp

TK1122053: Tiền VND gửi Ngân hàng Ngoại Thương  
VN

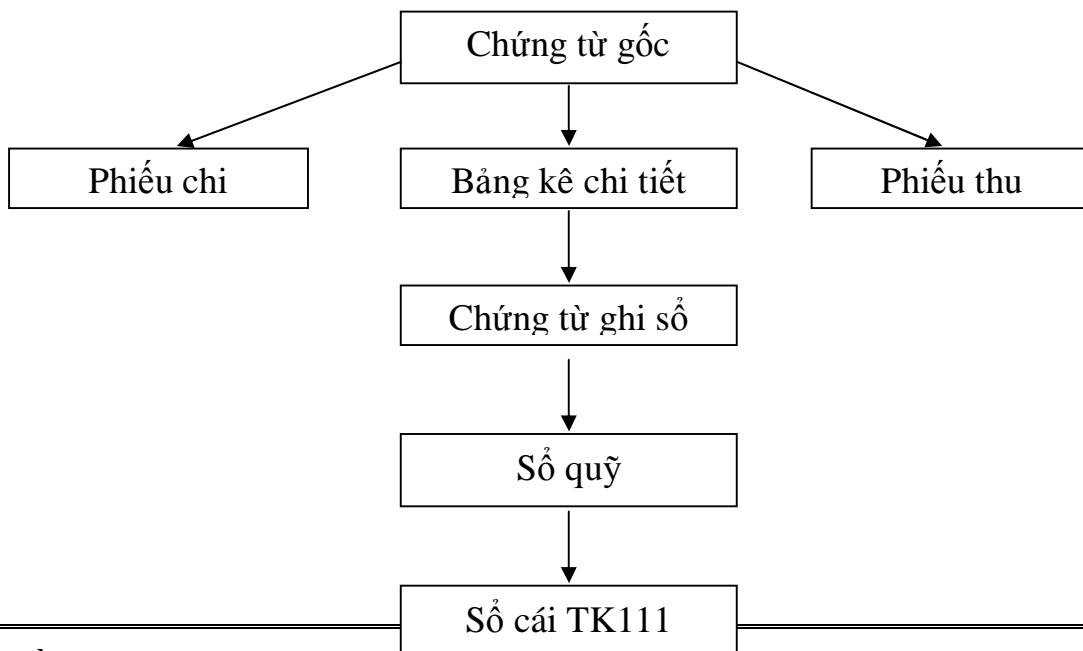
TK1122055: Vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi NHCT  
KVII Hai Bà Trưng.

*1.2 Kế toán bằng tiền mặt :*

–Để đảm bảo cho quá trình lên thực hiện các loại hình dịch vụ được thuận lợi thủ quỹ và kế toán thanh toán luôn kiểm tra tình hình luân chuyển tiền mặt của Công ty.

–Khi xuất quỹ tiền mặt thì kế toán phải viết phiếu chi và khi thu về nhập quỹ thì kế toán viết phiếu thu. Mỗi phiếu thu và phiếu chi kế toán đều phải làm 3 liên, liên 1 lưu lại kế toán tiền mặt, liên 2 giao cho khách hàng, liên 3 giao cho thủ quỹ.

*Sau đây là trình tự ghi sổ kế toán tiền mặt:*



–Khi viết phiếu thu, phiếu chi xong kế toán tiến hành định khoản

+Phiếu thu : Nợ TK 111

Có TK LQ

+Phiếu chi : Nợ TK LQ

Có TK 111

–Từ các chứng từ gốc kế toán vào bảng kê chi tiết

–Từ các chứng từ gốc kế toán vào chứng từ ghi sổ

–Sau khi vào chứng từ ghi sổ phiếu thu, phiếu chi kế toán vào sổ quỹ tiền mặt

–Sau khi vào sổ quỹ, kế toán vào sổ cái tiền mặt

–Cuối tháng, căn cứ vào sổ cái TM, kế toán ghi vào bảng cân đối tài khoản

### 1.3 Kế toán tiền gửi ngân hàng :

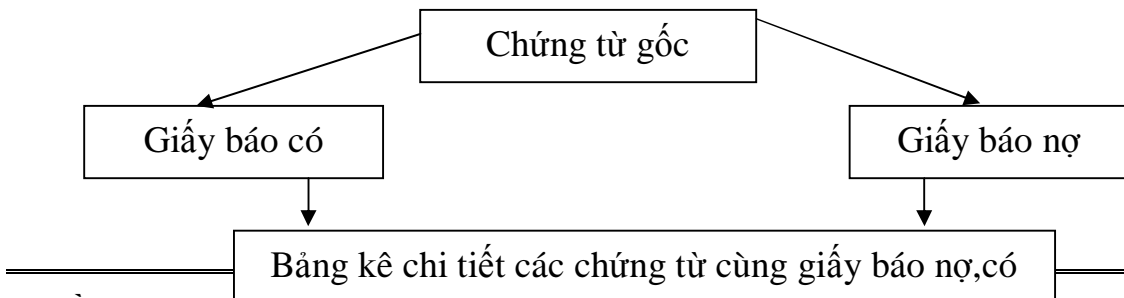
–Khi công ty chi trả bằng tiền gửi thì kế toán thanh toán viết phiếu ủy nhiệm chi và khi nhận thì kế toán viết phiếu ủy nhiệm thu. Phiếu được làm 3 liên : 1 liên giao cho ngân hàng, 1 liên giao cho khách hàng và 1 liên kế toán công ty giữ.

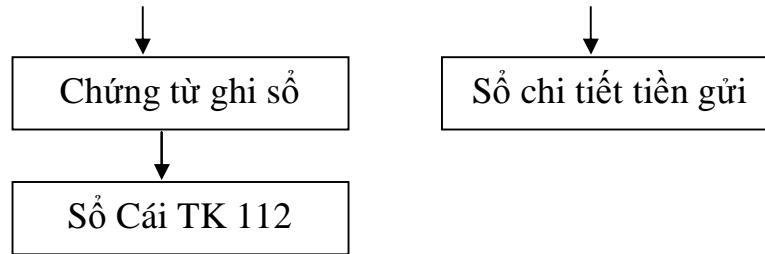
+Khi trả bằng TGNH kế toán định khoản : Nợ TK LQ/ Có TK 112

+Khi nhận bằng TGNH kế toán định khoản : Nợ TK 112/ Có TK LQ

–Sau khi nhận được giấy báo nợ, báo có kế toán tiến hành vào các sổ :

**Sau đây là trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi ngân hàng:**





–Khi nhận được giấy báo của ngân hàng thì Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO chính thức được nhận tiền tại ngân hàng.

Khi chi trả bằng TGNH thì kế toán sẽ nhận được giấy báo nợ của ngân hàng.

–Căn cứ vào các giấy báo nợ, giấy báo có kế toán vào bảng kê chi tiết

–Kế toán căn cứ vào bảng kê chi tiết cùng GBN, GBC để ghi vào chứng từ ghi sổ; đồng thời kế toán vào sổ chi tiết tiền gửi.

–Sau khi vào sổ chi tiết tiền gửi kế toán vào sổ cái TK112.

–Cuối tháng căn cứ vào sổ cái tiền gửi, kế toán vào bảng cân đối tài khoản.

## **2. Phần hành nghiệp vụ kế toán vật liệu công cụ dụng cụ**

### **2.1 Các chứng từ, sổ sách, tài khoản sử dụng trong kế toán NVL, CCDC tại Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO**

-Công ty hạch toán chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp ghi thẻ song song. Kế toán sử dụng sổ kế toán chi tiết để ghi chép tình hình xuất– nhập kho từng thứ vật tư, hàng hoá theo cả hai chỉ tiêu số lượng và giá trị.

-Khi nhận được chứng từ nhập, xuất của thủ kho gửi lên kế toán kiểm tra lại và hoàn chỉnh chứng từ, căn cứ vào chứng từ nhập xuất kho để ghi vào sổ kế toán chi tiết VL, CCDC.

## BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

---

-Cuối tháng kế toán tiến hành lập bảng kê xuất nhập tồn, sau đó đối chiếu:

+Sổ kế toán chi tiết với thẻ kho của thủ kho

+Số liệu dòng tổng cộng trên bảng kê nhập xuất tồn với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp

+Số liệu trên sổ kế toán chi tiết với số liệu kiểm kê thực tế.

-Các chứng từ sử dụng gồm :

+Hoá đơn giá trị gia tăng

+Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho

+Bảng tổng hợp chứng từ gốc

+Phiếu chi, Giấy báo có ....

-Sổ sách sử dụng :

+Sổ chi tiết vật tư, công cụ dụng cụ, Sổ cái TK152,153

+Sổ kế toán tổng hợp tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

+Sổ kế toán tổng hợp các khoản phải trả cho người bán.

+Sổ kế toán chi tiết các khoản phải trả cho người bán.

+Sổ kế toán tổng hợp vật liệu, công cụ dụng cụ.

-Tài khoản sử dụng : TK152, TK153 – chi tiết tài khoản được tập hợp cho từng đơn vị trực thuộc :

Chi tiết TK152 : TK 1521050 : Nguyên nhiên vật liệu TTTV Tiên Sơn

TK 1521051 : Nguyên nhiên vật liệu TTTV Bạch Đằng

TK 1521052 : Nguyên nhiên vật liệu phòng VT – GNAT

TK 1521053 : Nguyên nhiên vật liệu phòng kinh doanh

TK 1521054 : Nguyên nhiên vật liệu phòng thông quan

TK 1521059 : Nguyên nhiên vật liệu VP công ty

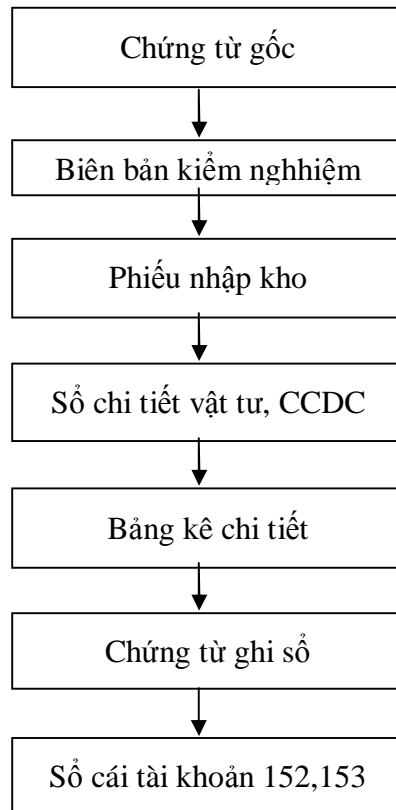
Chi tiết TK153 cũng tương tự TK 152

*2.2 Kế toán quá trình nhập vật liệu, công cụ dụng cụ :*

–Do Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO hoạt động với chức năng kinh doanh là chủ yếu nên việc mua vật liệu, CCDC là rất cần thiết.

Giá thực tế của VL, CCDC =Giá mua chưa thuế GTGT + Chi phí vận chuyển,  
nhập kho ghi trên hoá đơn bốc xếp

Sau đây là trình tự ghi sổ và quá trình nhập VL, CCDC của công ty :



–Khi hoá đơn và hàng về tại kho thì thủ kho với tổ thu hoá sẽ kiểm nhận về chất lượng và số lượng nguyên vật liệu, CCDC nhập kho.

## BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

---

– Căn cứ vào biên bản kiểm nghiệm kế toán lập phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho được làm 3 liên: 1 liên giao cho thủ kho, 1 liên giao cho người bán, còn 1 liên kế toán tổng hợp giữ.

– Căn cứ vào phiếu nhập kho, kế toán vào sổ chi tiết vật tư, công cụ dụng cụ.

– Sau khi vào sổ chi tiết vật tư, CCDC kế toán vào bảng kê chi tiết.

– Kế toán vào chứng từ ghi sổ.

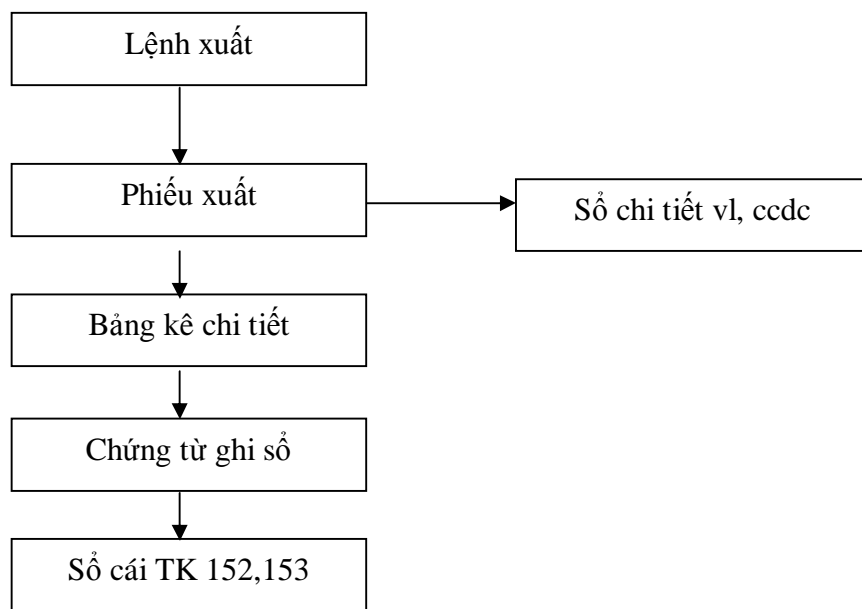
– Từ chứng từ ghi sổ kế toán ghi vào sổ cái 152, 153.

– Cuối tháng căn cứ vào sổ cái TK152, 153 và sổ cái tài khoản liên quan (TK111, TK112, TK331 ....) kế toán vào bảng cân đối tài khoản.

### 2.3 Kế toán quá trình xuất vật liệu, công cụ dụng cụ:

– Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong kho xuất liên tục trong tháng. Khi nào hết lại có lệnh xuất. Xuất theo số lượng, giá xuất được tính vào cuối tháng. Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO tính giá xuất VL, CCDC theo phương pháp bình quân gia quyền.

– Trình tự ghi sổ về quá trình xuất kho NVL, CCDC của Công ty:



–Khi có lệnh xuất kho VL, CCDC thì kế toán tiến hành viết phiếu xuất kho. Khi viết phiếu xuất kho kế toán viết làm 2 liên : liên 1 giao cho thủ kho, liên 2 giao cho kế toán giữ.

–Căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán định khoản và ghi vào sổ chi tiết vật liệu, CCDC. Đồng thời kế toán ghi vào bảng kê chi tiết.

–Căn cứ vào chứng từ gốc kế toán vào chứng từ ghi sổ.

–Từ chứng từ ghi sổ kế toán tiến hành vào sổ cái tài khoản 152,153

–Cuối tháng, căn cứ vào sổ cái 152,153 và sổ cái TK liên quan (TK621, 627...) kế toán ghi vào bảng cân đối tài khoản.

### ***3. Phần hành nghiệp vụ kế toán Tài sản cố định***

–Theo Quyết Định 167/2003/BTC – các chuẩn mực kế toán về Tài sản cố định hữu hình và vô hình thì Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO phân bổ khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng :

$$\text{Khấu hao bình quân năm} = \frac{\text{Nguyên giá tài sản cố định}}{\text{Số năm dự tính sử dụng}}$$

$$\text{Khấu hao tháng} = \frac{\text{Khấu hao bình quân năm}}{12}$$

*3.1 Các chứng từ, sổ sách, tài khoản sử dụng trong kế toán Tài sản cố định tại Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO :*

-Thủ tục tăng TSCĐ: Kế toán căn cứ vào các chứng từ liên quan như hoá đơn, phiếu chi, giấy báo nợ... để lập biên bản giao nhận TSCĐ. Trường hợp tăng TSCĐ phải trải qua quá trình lâu dài thì việc tập hợp và quyết toán chi phí mua

## BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

sắm TSCĐ được công ty hạch toán trên TK241. Căn cứ vào biên bản giao nhận kê toán ghi tăng TSCĐ.

-Thủ tục giảm TSCĐ: Khi tiến hành thanh lý nhượng bán TSCĐ công ty tiến hành lập hội đồng thanh lý TSCĐ.Hội đồng thanh lý lập biên bản “ thanh lý TSCĐ” theo quy định, biên bản thanh lý là chứng từ để ghi sổ kê toán. Căn cứ vào biên bản thanh lý kê toán ghi giảm nguyên giá TSCĐ.

–Các chứng từ được sử dụng :

+Biên bản giao nhận Tài sản cố định (Mẫu số 01 – TSCĐ).

+Biên bản thanh lý Tài sản cố định.

+Hoá đơn khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành ( Mẫu số 10 – BH).

+Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành (Mẫu số 04 – TSCĐ).

+Các chứng từ kê toán có liên quan khác như : Hoá đơn mua hàng, Tờ khai thuế nhập khẩu, lệ phí trước bạ, hoá đơn cước phí vận chuyển.

+Thẻ tài sản cố định ( Mẫu số 02 – TSCĐ).

–Sổ sách sử dụng gồm :

+Sổ chi tiết tài khoản 211, TK 213.

+Sổ kê toán tổng hợp tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

+Sổ kê toán tổng hợp và chi tiết các khoản trả cho người bán.

+Sổ kê toán tổng hợp chi phí về mua sắm TSCĐ.

+Sổ Cái các TK 211, TK 213.

–Tài khoản sử dụng : TK 211, TK 213 chi tiết từng nhóm tài sản.Tài sản cố định được ghi cụ thể ở cấp III nhưng ghi chung không tách riêng cho các đơn vị trực thuộc và hàng kì trích khấu hao cho từng đơn vị.

Chi tiết TK 211 : TK 211105 : Đất.

TK 211205 : Nhà cửa, vật liệu kiến trúc.



TK 211305 : Máy móc thiết bị.

TK 211405 : Phương tiện vận tải, truyền dẫn.

TK 211505 : Thiết bị dụng cụ quản lý.

TK 211605 : Câu lâu năm, súc vật làm việc cho SP

TK 211705 : Giàn giáo, cốp pha.

TK 211805 : Tài sản cố định khác.

Chi tiết TK 213 : TK 213105: Quyền sử dụng đất.

TK213205: Chi phí thành lập, chuẩn bị SX.

TK213305: Bằng phát minh sáng chế.

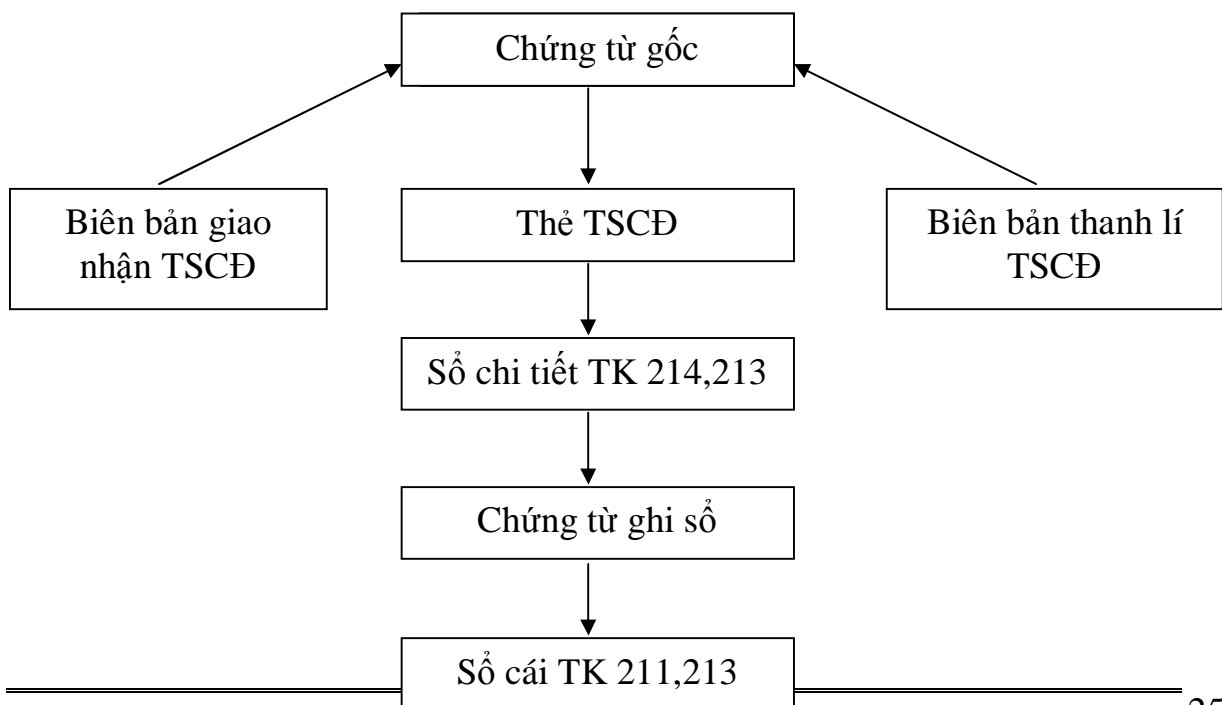
TK213405: Chi phí nghiên cứu phát triển.

TK213505: Chi phí về lợi thế thương mại.

TK 213805: TSCĐ vô hình khác.

### 3.2 Trình tự ghi sổ kế toán TSCĐ :

Sau đây là trình tự ghi sổ quá trình tăng, giảm tài sản cố định :



–Khi công ty có các trường hợp tăng TSCĐ như : mua sắm; xây dựng cơ bản hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng; nhận cấp phát, nhận góp vốn bằng TSCĐ ... hay khi công ty có các trường hợp giảm TSCĐ như: Nhượng bán, thanh lý TSCĐ, góp TSCĐ tham gia liên doanh thì kế toán căn cứ vào số liệu của các chứng từ kế toán tăng, giảm TSCĐ để ghi vào thẻ kho.

–Từ chứng từ gốc kế toán vào sổ chi tiết TK 211, 213 và vào chứng từ ghi sổ.

–Từ chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ cái TK 211, 213.

–Cuối tháng căn cứ vào sổ cái TK 211, 213 và sổ cái tài khoản liên quan ( TK 111, 112, 331 ...) kế toán vào bảng cân đối tài khoản.

#### **4. *Phần hành nghiệp vụ kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.***

Phần hành kế toán này sẽ được nêu cụ thể ở phần sau.

#### **5. *Phần hành nghiệp vụ kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành SP***

–Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO với loại hình kinh doanh là thương mại dịch vụ, không sản xuất sản phẩm nên công ty không mở tài khoản chi phí nhân công trực tiếp (TK 622) và chi phí nguyên vật liệu trực tiếp ( TK 621). Tất cả chi phí gián tiếp và các chi phí trực tiếp đều được tập hợp trên tài khoản 627 ( chi tiết từng đối tượng sử dụng).

*5.1 Các chứng từ, sổ sách, tài khoản được sử dụng trong kế toán tập hợp chi phí tính giá thành sản phẩm của Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO :*

–Chứng từ sử dụng gồm :

+Bảng thanh toán tiền lương, bảng thanh toán bảo hiểm xã hội.

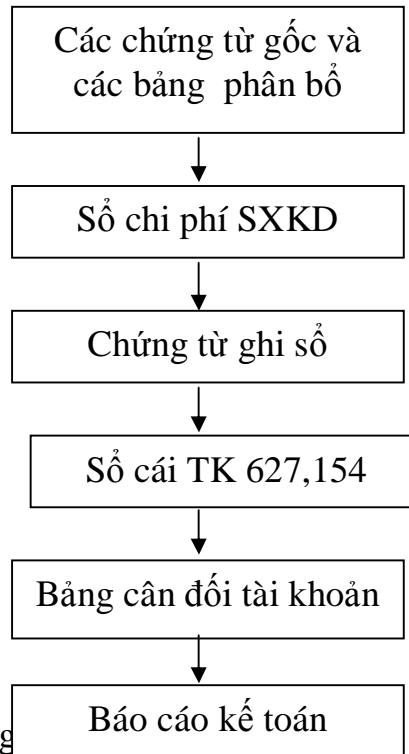
+Phiếu xuất kho vật tư, công cụ dụng cụ, bảng phân bổ công cụ dụng cụ.

## BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

---

- +Phiếu chi, Giấy báo nợ.
- +Bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định.
- +Bảng trích trước chi phí...
- Sổ sách sử dụng gồm :
  - +Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.
  - +Sổ chi tiết liên quan như : Sổ chi tiết Tiền mặt, TGNH, Vật tư, Công cụ dụng cụ, phải trả công nhân viên, phải trả phải nộp khác...
  - +Sổ tài khoản 627, TK 154.
- Tài khoản kế toán chủ yếu sử dụng trong công tác kế toán của công ty gồm : TK 627,154 .
- Tài khoản 627 được chi tiết đến cấp 5 cho từng đơn vị trực thuộc:
- Chi phí sản xuất chung của Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO gồm :
  - +Chi phí nhân viên phân xưởng như :Chi phí nhân công, BHXH, BHYT, KPCĐ, BH thân thể, ăn ca.
  - +Chi phí nhân viên phân xưởng như :Chi phí nhân công, BHXH, BHYT, KPCĐ, BH thân thể, ăn ca.
  - +Chi phí vật liệu.
  - +Chi phí công cụ dụng cụ.
  - +Chi phí khấu hao TSCĐ.
  - +Chi phí dịch vụ mua ngoài như : Điện, nước điện thoại.
  - +Chi phí bằng tiền khác : Chi phí tiếp khách, hội họp .
  - +Chi phí lãi vay, chi phí VP phẩm và chi phí khác.
- Tất cả đều chi tiết cho từng đơn vị trực thuộc: TTTV Bạch Đằng, TTTV Tiên Sơn, Vận tải – cầu, dịch vụ vận tải, Phòng thông quan, VP đại diện TP HCM.)
- Tài khoản 154 : không chi tiết ở từng cấp tài khoản cho các đơn vị trực thuộc

*5.2 Trình tự ghi sổ quá trình tập hợp chi phí sản xuất và tính tổng sản phẩm của Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO :*



–Từ các chứng từ gốc và các bảng phân bổ vật liệu và phân bổ khấu hao TSCĐ...kế toán tiến hành ghi vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh.

–Căn cứ chứng từ gốc kế toán vào chứng từ ghi sổ.

–Từ chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ cái Tài khoản 6227,154.

–Cuối tháng căn cứ vào sổ cái TK627, 154 và một số TK liên quan ( TK 152, 153, 214, 334, 338...) kế toán vào bảng cân đối tài khoản và báo cáo kế toán.

**6.Phần hành nghiệp vụ Kế toán thành phẩm và tiêu thụ thành phẩm, xác định kết quả bán hàng :**

–Theo quy định quản lí của Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO thì chi phí bán hàng và quản lí doanh nghiệp của Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO được tập hợp và hạch toán trên TK 641.

*6.1 Các chứng từ sổ sách, tài khoản được sử dụng trong kế toán thành phẩm, tiêu thu thành phẩm và xác định KQKD của Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO .*

–Các chứng từ sử dụng gồm :

+Phiếu nhập, phiếu xuất, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, thẻ kho.

+Giấy báo Nợ, giấy báo Có, phiếu Thu, phiếu Chi.

+Hoá đơn bán hàng, hoá đơn GTGT.

+Invoice (Hoá đơn) ; Packinglist (Phiếu đóng gói) ; Specification (Tờ kê chi tiết) ; Bill of lading (Vận đơn đường biển) ; Insurance policy (Hoá đơn bảo hiểm). Đây là các chứng từ cần thiết khi công ty có hoạt động xuất khẩu.

–Sổ sách sử dụng gồm :

+Sổ kế toán chi tiết nhập - xuất - tồn kho hàng hoá (TK156)

+Sổ kế toán theo dõi trị giá vốn thực tế hàng bán. (TK632)

+Sổ kế toán theo dõi doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu.

+Bảng kê hoá đơn hàng hoá, dịch vụ bán ra.

+Sổ tổng hợp và sổ chi tiết thanh toán với khách hàng.

+Sổ kế toán chi tiết chi phí bán hàng, xác định kết quả bán hàng.

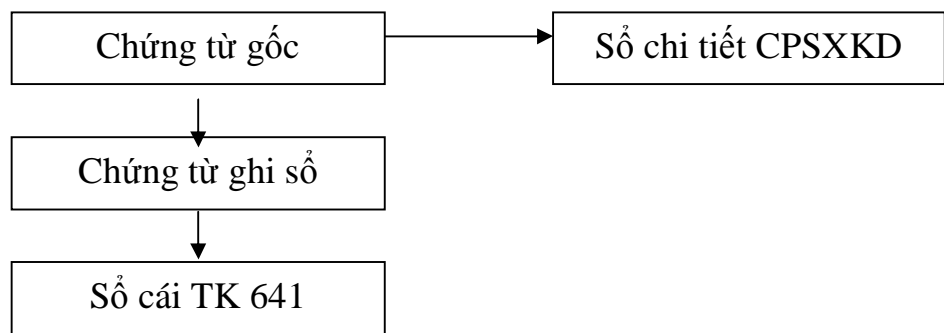
+Các sổ kế toán tổng hợp có liên quan: Tiền mặt, tiền gửi...

–Tài khoản kế toán chủ yếu sử dụng: TK632, TK511, TK512, TK531 TK532, TK333.

*6.2 Quá trình tập hợp và ghi sổ chi phí bán hàng và quản lí doanh nghiệp.*

–Chi phí bán hàng và quản lí doanh nghiệp của Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO bao gồm chi phí nhân viên quản lí ; BHXH, BHYT, KPCĐ nhân viên quản lí ; chí phí vật liệu quản lí, chi phí khấu hao TSCĐ văn phòng, chi phí đồ dùng thiết bị văn phòng ; Thuê, phí và lệ phí, chi phí tiếp khách hội họp, chi phí khác bằng tiền... đều được tập hợp trên tài khoản 641 chi tiết TK 641 thể hiện ở cấp :

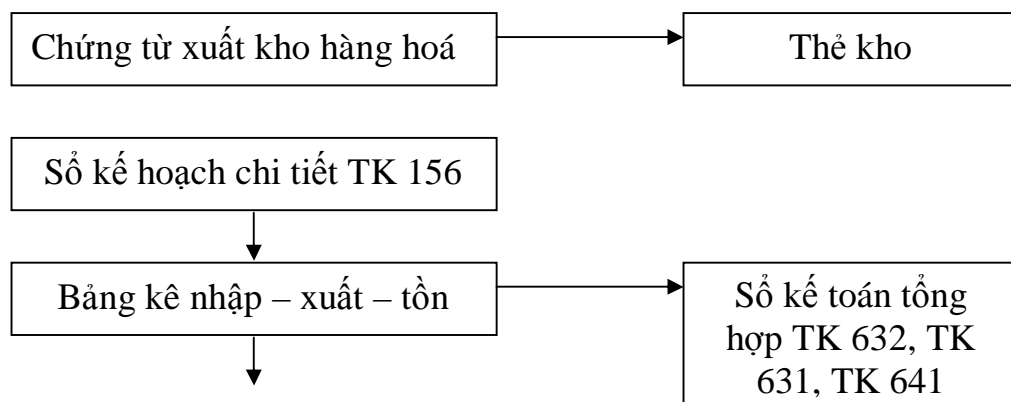
Trình tự ghi sổ quá trình tập hợp chi phí bán hàng và QLDN:

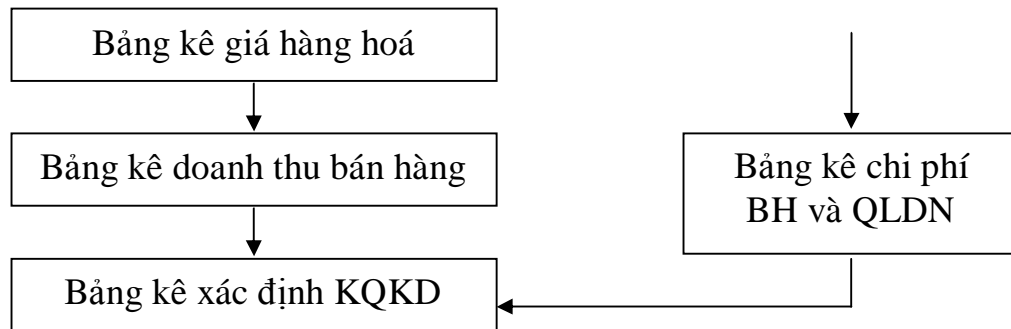


- Từ những chứng từ gốc kế toán tiến hành vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh.
- Căn cứ vào chứng từ gốc kế toán vào chứng từ ghi sổ.
- Căn cứ vào chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ cái TK 641

*6.3 Trình tự kế toán bán hàng tại Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO*

*Sau đây là trình tự ghi sổ kế toán tiêu thụ thành phẩm*





–Căn cứ vào số liệu của các chứng từ xuất kho hàng hoá kế toán ghi vào thẻ kho về mặt số lượng xuất của từng thứ hàng hoá, đồng thời kế toán vào sổ chi tiết TK156 từng thứ hàng hoá đã phản ánh trên thẻ kho.

–Cuối kì kế toán khoá sổ kế toán chi tiết để lập bảng kê nhập - xuất – tồn kho hàng hoá.

–Căn cứ vào Bảng kê nhập – xuất – tồn hàng hoá kế toán ghi vào bảng kê giá vốn hàng bán, đồng thời tiến hành vào sổ kế toán tổng hợp TK 632, TK511,...TK641

–Căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán ghi vào bảng kê doanh thu bán hàng.

–Từ bảng kê doanh thu bán hàng và bảng kê chi phí bán hàng và quản lí doanh nghiệp kế toán lập bảng kê xác định kết quả kinh doanh.

#### 6.4 Quá trình tập hợp và ghi sổ kết quả hoạt động kinh doanh.

–Kế toán tổng hợp tiến hành tập hợp chi phí và doanh thu ở sổ cái các tài khoản : TK 632, TK 641, TK 511 để kết chuyển về TK 911 ; chi tiết TK 911 cho từng đơn vị trực thuộc.

+Kết chuyển doanh thu thuần : Nợ TK 511

Có TK 911

+Kết chuyển giá vốn, chi phí bán hàng và quản lí doanh nghiệp:

Nợ TK 911

Có TK 632

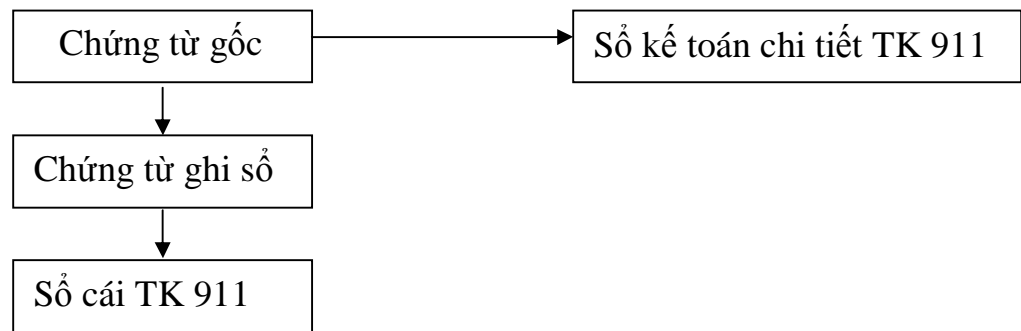
Có TK 641

+Cuối tháng kế toán tiến hành kết chuyển lãi từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ :

Nợ TK 911

Có TK 421

**Sau đây là trình tự ghi sổ kết quả bán hàng và cung cấp dịch vụ :**



–Kế toán tổng hợp căn cứ vào các chứng từ gốc và số liệu đã tính toán để vào sổ chi tiết tài khoản 911, đồng thời tiến hành ghi vào chứng từ ghi sổ.

–Từ chứng từ ghi sổ kế toán tiến hành vào sổ cái tài khoản 911 và một số sổ cái tài khoản liên quan để ghi vào bảng cân đối tài khoản và báo cáo kế toán.

⇒ Nhận xét khái quát :

Nhìn chung, việc hạch toán trên sổ chi tiết cũng như sổ tổng hợp của của công ty là khá hoàn thiện. Hệ thống sổ chi tiết đã đáp ứng được phần nào yêu cầu đặt ra, cho phép ghi chép chi tiết các đối tượng kế toán cần phải được theo dõi chi tiết như các loại chi phí, các loại công nợ,... từ đó phục vụ tốt cho yêu cầu kiểm tra, đối chiếu và tính toán các chỉ tiêu một cách chi tiết mà các bảng, các sổ không có được.

Hệ thống sổ tổng hợp tại công ty bao gồm các bảng kê, các nhật ký chứng từ và sổ Cái các tài khoản đã đáp ứng được yêu cầu hạch toán, ghi chép và tổng



## BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

---

hợp số liệu hàng tháng từ đó làm cơ sở lên báo cáo kế toán định kỳ ( tháng, quý, năm) theo yêu cầu.

Việc hạch toán kế toán nói chung đã thực hiện tốt từ khâu hạch toán chứng ban đầu đến khâu vào sổ sách chi tiết, tổng hợp để lên báo cáo kế toán. Do lao động kế toán tại công ty được phân theo chức năng của mỗi phần hành kế toán riêng biệt nên có sự chuyên sâu theo chức năng cụ thể của mình đồng thời luôn có sự đối chiếu giữa các phần hành với nhau vì vậy việc hạch toán thường thống nhất, nhanh chóng và chính xác. Mặt khác, giữa các phần hành kế toán cũng luôn có sự đối chiếu lẫn nhau để phát hiện sai sót từ đó điều chỉnh kịp thời

## ***CHƯƠNG II. CHUYÊN ĐỀ TỰ CHỌN***

### ***I. Lý do chọn chuyên đề***

*Sử dụng hợp lý chính sách lương, thưởng đối với người lao động*: hình thức lương hợp lý là đòn bẩy kinh tế quan trọng có tác dụng khuyến khích cán bộ công nhân viên không ngừng tăng năng suất lao động, sử dụng hợp lý đầy đủ thời gian lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm. Ở một mức độ nhất định tiền lương là bằng chứng rõ ràng thể hiện giá trị, địa vị, uy tín của một người lao động đối với gia đình, xã hội, thể hiện sự đánh giá đúng mức năng lực và công lao của người lao động. Khi nhân viên cảm thấy họ được trả lương không xứng đáng, họ sẽ không tích cực làm việc. Do đó, hệ thống lương đóng vai trò quan trọng trong chính sách khuyến khích vật chất và tinh thần đối với nhân viên.

Công ty TNHH VINAFCO luôn luôn đưa yếu tố con người làm tiền đề cho sự tồn tại phát triển của Công ty. Cán bộ công nhân viên của Công ty luôn được đào tạo và đào tạo lại để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh. Việc phân phối tiền lương, tiền công đúng với sức lao động và việc luôn luôn quan tâm đến đời sống cán bộ công nhân viên chính là tiền đề cho sự phát triển của Công ty.

Qua thời gian học tập và nghiên cứu tại Trường ĐTBĐ CBCC ngành GTVT, chuyên ngành kế toán và đi sâu tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO, với kiến thức đã thu nhận được em thấy công tác hạch toán lao động và tiền lương của Công ty đa dạng và phong phú, tuy nhiên cũng còn có một số vấn đề khó khăn và tồn tại.

Được sự giúp đỡ của cô Lê Thu Vân và Nguyễn Thuý Hằng, cùng các anh chị trong phòng kế toán hành chính của Công ty VINAFCO em xin mạnh dạn đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu và viết chuyên đề:

*“ Tổ chức hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO “*

**II- Những thuận lợi, khó khăn của Công ty đã ảnh hưởng đến công tác kế toán theo chuyên đề.**

**1. Những thuận lợi trong công tác kế toán theo chuyên đề**

- Công tác hạch toán tiền lương, các khoản trích theo lương cho người lợi nhuận luôn được Công ty chấp hành đúng với chế độ về tiền lương, tiền thưởng, trợ cấp, phụ cấp. Kế toán tiền lương luôn hướng dẫn các bộ phận thực hiện tốt công tác cung cấp thông tin như: bảng chấm công, bảng kê khối lượng công việc... để tính lương, thưởng, BHXH, cho từng người.

- Công ty đã áp dụng hình thức trả lương hợp lý, việc tính toán tiền lương tiền thưởng đã phản ánh đúng kết quả của từng người lao động thực hiện việc thanh toán cho công nhân viên kịp thời, đúng thời hạn quy định.

- Các hình thức chứng từ sổ sách sử dụng đúng mẫu ban hành của Bộ Tài chính, phản ánh rõ ràng các khoản mục và nghiệp vụ phát sinh. Tiến hành tổ chức tốt; công tác ghi chép ban đầu, xử lý và ghi sổ kế toán các nghiệp vụ kế toán liên quan đến tiền lương, BHXH và các khoản thu nhập khác của công nhân viên; báo cáo và phân tích chi phí tiền lương, các khoản trích theo lương trong chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.

**2. Những khó khăn trong công tác kế toán theo chuyên đề:**

- Khối lượng công việc của kế toán tiền lương; BHXH tương đối lớn. Cuối tháng, kế toán tiền lương, BHXH căn cứ vào bảng chấm công và các chứng từ làm theo để tính lương cho toàn bộ công nhân viên trong Công ty. Mỗi bảng chấm công phải lập một bảng thanh toán lương tương ứng, công việc quá nhiều, kế toán tiền lương, BHXH làm việc tương đối vất vả.

**III- Nội dung công tác kế toán theo chuyên đề:**

**1. Đặc điểm về lao động.**

## BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

---

- Do Công ty TNHH tiếp vận Vinafco là đơn vị kinh doanh dịch vụ nên vấn đề con người là rất quan trọng. Lực lượng lao động hiện nay của Công ty chiếm đông nhất trong toàn Công ty cổ phần Vinafco là 198 người trên tổng số 460 người của Toàn Công ty vì vậy nhân tố con người rất được Công ty coi trọng. Công ty đã đầu tư rất có trọng điểm vào nguồn lợi nhuận của mình; những cán bộ kinh doanh thì cử đi học để nâng cao trình độ chuyên môn còn những lao động chân tay như lái xe, nhân viên bốc xếp.... thì thường xuyên được quan tâm thích đáng. Hiện nay cơ cấu lao động của Công ty như sau:

	Số lượng lao động (người)	Tỷ trọng (%)
Cán bộ quản lý	80	40.4
Cán bộ điều hành vận tải	32	16.2
Cán bộ điều hành kho	12	6.1
Thợ sửa xe	18	9.0
Lái xe	25	12.6
Thợ sửa chữa cơ khí	16	8.1
Thợ sơn ICI	15	7.6
<b>Cộng</b>	<b>198</b>	<b>100</b>

- Ngoài ra Công ty còn sử dụng nhiều công nhân thuê ngoài để phục vụ cho công việc dốc dỡ hàng hoá.

- Quyền được hưởng các chế độ chính sách của người lao động trong Công ty TNHH tiếp vận Vinafco như sau:

+ Người lao động được trả lương vào mùng 5 của tháng kế tiếp, mức tiền lương do người lao động thoả thuận với Công ty căn cứ vào công việc và năng lực của người lao động nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lương tối thiểu do nhà nước quy định.

+ Được trang bị thiết bị, phương tiện cần thiết phục vụ cho công việc mà mình đảm nhiệm nhằm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

+ Được hưởng các phụ cấp liên quan như phụ cấp phương tiện đi lại, phụ cấp ăn trưa, phụ cấp trách nhiệm, chức vụ... mức phụ cấp do Công ty quyết định trên cơ sở mặt bằng thu nhập và công việc mà người lao động phụ trách.

+ Người lao động được quyền tham gia đóng bảo hiểm xã hội. Đối với người lao động theo hợp đồng không xác định thời hạn hoặc hợp đồng có thời hạn từ 1 đến 3 năm. Việc đóng bảo hiểm là bắt buộc và Công ty sẽ thực hiện ngay tại thời điểm lương hàng tháng.

+ Và một số quyền khác như: được Công ty tạo điều kiện về mặt thời gian và vật chất (nếu có) để tham gia các khoá học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

*2. Thủ tục, trình tự luân chuyển chứng từ ban đầu về lao động và tiền lương thủ tục thanh toán lương, BHXH vào khoản cho công nhân viên và người lao động .*

+ Kế toán tiền lương căn cứ vào chứng từ hạch toán về thời gian lao động và chế độ tiền lương trả theo thời gian áp dụng trong Công ty để tính lương thời gian phải trả cho những công nhân viên có tên trong bảng chấm công.

+ Căn cứ vào khối lượng sản phẩm hoàn thành đảm bảo tiêu chuẩn chuẩn chất lượng quy định được theo dõi ở Phiếu xác nhận sản phẩm công việc hoàn thành và đơn giá tiền lương sản phẩm áp dụng trong Công ty để tính tiền lương sản phẩm cho công nhân sản xuất. Tiền lương sản phẩm tính cho tập thể công nhân kế toán phải thực hiện chia lương cho từng công nhân.

+ Sau khi tính tiền lương thời gian, tiền lương sản phẩm và các khoản phụ cấp phải trả cho công nhân viên của từng tổ sản xuất, phòng ban kế toán lập Bảng thanh toán tiền lương cho từng bộ phận.

## BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

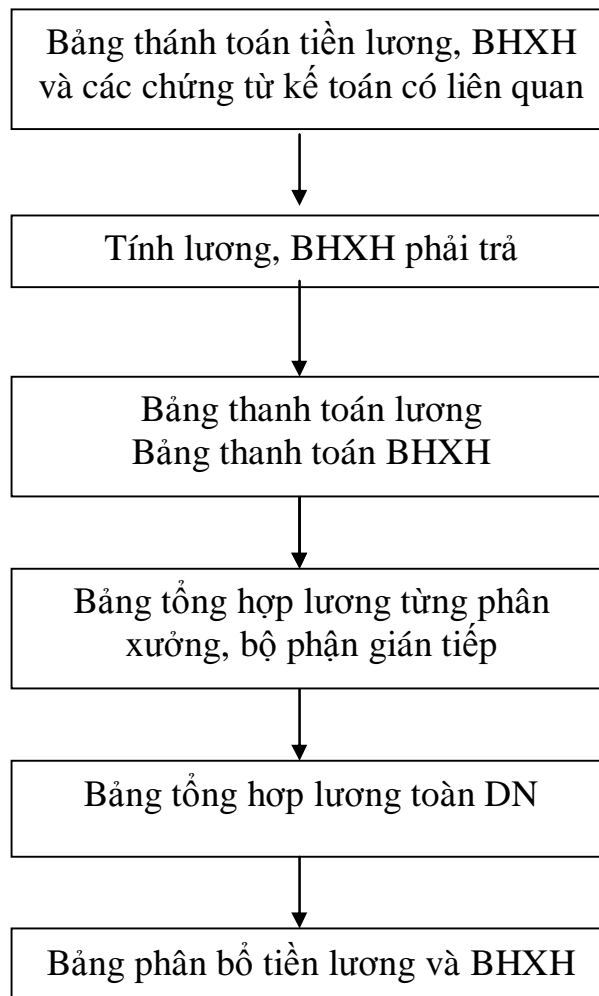
---

+ Căn cứ vào thời gian nghỉ hưởng BHXH, mức lương hưởng BHXH và tỷ lệ hưởng BHXH để tính BHXH thực tế phải trả cho từng công nhân viên, sau đó lấy số liệu để lập bảng thanh toán BHXH.

+ Căn cứ vào tiền lương phải trả của từng tổ, phòng ban để lập bảng tổng hợp tiền lương của từng phân xưởng, bộ phận quản lý doanh nghiệp.

+ Căn cứ số liệu của bảng tổng hợp lương của từng phân xưởng, và các bộ phận gián tiếp, số liệu đã tập hợp được dùng để lập bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương.

### - Sơ đồ trình tự kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.



### 3. Các hình thức trả lương tại Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco.

- Tiền lương là biểu hiện rõ nhất về lợi ích kinh tế của người lao động và trở thành đòn bẩy mạnh mẽ nhất kích thích người lao động. Để phát huy tối đa chức năng của tiền lương Công ty TNHH Vinafco đã trả lương cho người lao động dựa vào nguyên tắc cơ bản sau:

- + Phải đảm bảo tái sản xuất sức lao động.
- + Dựa trên sự thoả thuận giữa người mua, người bán sức lao động.
- + Tiền lương phụ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh.

- Việc kết hợp đúng nguyên tắc trên với mô hình trả lương cụ thể thích hợp, hình thức trả lương được Công ty áp dụng là: Trả lương theo thời gian và trả lương theo sản phẩm.

#### 3.1. Tổ chức hạch toán tiền lương theo thời gian.

- Công ty TNHH Tiếp vận Vinafco áp dụng hình thức trả lương theo thời gian, có thưởng cho khối lao động gián tiếp như: Văn phòng Công ty, nhân viên quản lý, giám đốc, thủ kho, bảo vệ.

- Thời gian làm việc của công nhân viên trong công ty thường là 22 ngày/tháng riêng phòng vận tải để đảm bảo khối lượng công việc và thời gian vận tải, công ty thực hiện chế độ làm việc 26 ngày/tháng.

- Cách tính lương cho cán bộ công nhân viên trong Công ty cũng khác nhau.

+ Với những nhân viên trong biên chế thì lương bình quân 1 ngày = 60.000đ Lương tháng = lương bình quân ngày ( 60.000đ) x số ngày làm việc thực tế x Hđ.

Hđ: Hệ số lương kinh doanh ( hệ số sản phẩm ), hệ số này được hội đồng quản trị và đại hội công nhân viên thông qua sau mỗi năm dựa trên báo cáo hoạt động tài chính của Công ty. Hệ số này được quy định cho từng bộ phận.

Ví dụ:

Vũ Huy Sơn : Cử nhân kinh tế

Hệ số sản phẩm : 2.5

Số ngày công thực tế : 17 ngày

Lương bình quân ngày công : 60.000 đồng

Lương tháng =  $60000 \times 17 \times 2.5 = 2.550.000$  đồng

+ Với những nhân viên hợp đồng thì tiền lương được tính theo số tiền ghi trong hợp đồng khi thuê người lao động, số ngày quy định mà họ phải làm với số ngày họ làm việc thực tế. Tiền lương trong hợp đồng căn cứ vào các công việc được giao, căn cứ vào bảng cấp và trình độ chuyên môn của người lao động.

$$\text{Lương tháng} = \frac{\text{Lương trong hợp đồng}}{\text{Số ngày quy định}} \times \text{Số ngày làm việc}$$

Ví dụ:

Nguyễn Long Vũ : Kỹ sư

Lương hợp đồng : 1000.000 đồng

Số ngày công quy định trong hợp đồng : 20 ngày

Số ngày công thực tế : 20 ngày

$$\text{Lương tháng} = \frac{1000.000}{20} \times 20 = 1000.000 \text{ đồng}$$

+ Đối với lao động trực tiếp tại Công ty, cụ thể là các nhân viên lái phụ xe thuộc phòng vận tải mức lương khoán thời gian của mỗi cá nhân được xác định dựa trên trình độ tay lái và số ngày công trên bảng chấm công, thời gian công tác.. cách tính lương khoán thời gian cho người lao động trực tiếp như sau:

$$\text{Lương tháng} = \frac{\text{Lương vận doanh}}{26} \times \text{Số ngày làm việc thực tế}$$

Ví dụ:

Ngô Văn Đại : lái xe bằng b2



## BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

---

Số ngày công : 39.2

Lương vận doanh : 1.600.000 đồng

$$\text{Lương tháng} = \frac{1.600.000}{26} \times 39,2 = 2.412.308 \text{ đ}$$

- Cuối tháng căn cứ vào bảng chấm công để tính số ngày làm việc thực tế của từng công nhân viên, kế toán tiến hành lập bảng thanh toán lương cho các phòng ban.

### 3.2. Tổ chức hạch toán tiền lương theo khối lượng sản phẩm .

- Hình thức trả lương theo khối lượng sản phẩm được áp dụng cho lao động trực tiếp. Trên cơ sở hoàn thành công việc và được chứng nhận nghiệm thu người lao động sẽ được trả lương xứng đáng. Ngoài ra những công việc của người lao động trực tiếp phát sinh, đột xuất trong quá trình lao động nằm trong chế độ khoán người lao động sẽ được trả lương theo ngày. Vì vậy việc xác định quỹ lương tính đến bộ phận của người lao động là rất cần thiết.

- Công ty TNHH tiếp vận Vinafco đang áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm gián tiếp, đây là hình thức trả lương tiên tiến nhất trong thời điểm hiện nay, đảm bảo tính công bằng và hợp lý, khuyến khích người lao động vì lợi ích của mình mà quan tâm đến lợi ích tập thể; từ đó đẩy mạnh hợp lý hoá sản xuất, phát huy cải tiến kĩ thuật, không ngừng nâng cao năng suất lao động vì chất lượng sản phẩm. Hàng ngày các chánh phó quản đốc và các bộ phận trực ca sản xuất nghiệm thu và trả lương cho cán bộ công nhân trong ca. Căn cứ vào số tiền được nghiệm thu thanh toán trong ca của công nhân để chia cho từng người, số tiền chia không vượt quá số tiền được nghiệm thu thanh toán. Tiền lương phải trả cho người lao động tính theo khối lượng sản phẩm như sau:

$$\text{Tiền lương sản phẩm phải trả} = \frac{\text{Khối lượng công việc hoàn thành}}{\text{Đơn giá tiền lương sản phẩm}} \times$$

## BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

---

Căn cứ để xác định khối lượng công việc hoàn thành dựa vào:

- **Bảng tổng hợp khối lượng công việc hoàn thành nghiệm thu.**

Tháng 3/2006

Bộ phận cơ khí sửa chữa - Tổ sửa chữa Hải Phòng

STT	Biên bản nghiệm thu		Khối lượng công việc được nghiệm thu		
	Số	Ngày	Sơn	Sửa	Làm vách ngăn
1	1	12/3/2006	5 cont (2 cont: 20'; 3 cont: 40')		
2	5	19/3/2006		5 cont	
3	7	26/3/2006			5 cont

Trưởng phòng HC-KT.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2006

Người lập

- Cách chia lương được tính như sau:

Cuối tháng, dựa vào doanh thu khối lượng sản phẩm hoàn thành kế toán trích lương cho tổ sửa chữa dựa trên phần trăm doanh thu. Sau đó tính lương cho từng cán bộ công nhân trong tổ trên cơ sở bảng chấm công và hệ số lương của từng người; hệ số lương được tính dựa vào trình độ tay nghề, bậc thợ. Cách tính lương cho từng công nhân trong tổ như sau:

$$\text{Lương tháng } i = \frac{\text{Lương tổ sửa chữa}}{\text{Tổng số công toàn tổ}} \times \frac{\text{Số ngày công thực tế làm việc}}{\text{Số ngày công thực tế làm việc}} \times \text{Hệ số công của người } i$$

**CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN VINAFCO**

Bộ phận cơ khí sửa chữa - Tổ sửa chữa Hải Phòng

**Bảng tổng hợp quỹ lương tổ sửa chữa tháng 3/2006**

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Số cont	Loại	DT cơ khí	DT Sơn	DT khác	Tổng hợp
1	VFCU 4500724	40'	5.439.000	3.090.000	1.470.000	9.999.000
2	VFCU 2500915	20'	1.769.000	1.719.000	1.470.000	4.958.000
3	VFCU 2500535	20'	1.888.000	1.719.000	1.470.000	5.077.000
4	VFCU 4011034	40'	2.525.000	3.090.000	1.470.000	7.058.000
5	VFCU 4700018	40'	3.073.000	3.090.000	1.470.000	7.633.000
	Cộng		14.694.000	12.708.000	7.323.000	34.725.000

Trích lương:

- Lương sửa cont : 1.906.200

+ Lương từ doanh thu cơ khí: 3.673.500

+ Lương làm vách ngăn: 2.196.900

Tổng quỹ lương: 7.776.600

Trưởng phòng HC-KT.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2006

Người lập

# BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

Bảng chấm công phòng vận tải - tổ sửa chữa Hải Phòng

## BẢNG CHẤM CÔNG

TT	Họ và tên	Ngày dương lịch trong tháng																														Tổng công	Tổng ốm	Ghi chú		
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30				31	
1	Mai Anh Hồng	1	1	1	0.5		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	0.5	1	1	1	1	1	27.5		
2	Nguyễn Duy Hưng	1	1	1	1		1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0.5	1	1	1	1	1	29.5		
3	Đỗ Ngọc Ba	1	1	1			1	1	1	1	1	0.5		1	1	1	1	1	0.5		1	1	1	1	1			0.5	1	1	1	1	24			
4	Nguyễn Thị Hường	1	1	1	1	0.5	1	1	1	1	1	1	0.5	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	30			

Bắc Ninh, ngày 31 tháng 3 năm 2006

LÃNH ĐẠO CÔNG TY

TTTTV TIÊN SON

NGƯỜI CHẤM CÔNG

**Bảng chia lương tổ tháng 3/2006**

Bộ phận: Cơ khí - sửa chữa

Tổng số tiền đạt được: 7.776.660

Tổng số ngày công: 111. Đơn vị: Đồng

STT	Họ và tên	Ngày công	Hệ số	Tổng số công	Thành tiền	Ký nhận
1	Mai Anh Hồng	27.5	1.3	35.75	1.988.951	
2	Nguyễn Duy Hưng	29.5	1.35	39.83	2.215.942	
3	Đỗ Ngọc Ba	24	1.3	31.2	1.735.812	
4	Nguyễn T. Hương	30	1.1	33	1.835.955	
	Cộng	111		139.78	7.776.660	

Trưởng phòng HC-KT

Người lập

**4. Các khoản phụ cấp có tính chất tiền lương, trợ cấp BHXH và các khoản thu nhập khác của cán bộ công nhân viên trong Công ty TNHH tiếp vận Vinafco.**

- Cách tính tiền ăn ca được áp dụng tại Công ty như sau:

+ Đối với công nhân viên thuộc văn phòng Công ty, cứ đủ một công làm việc sẽ được tính tiền ăn ca là: 8000đ/ngày công/người.

+ Đối với cán bộ công nhân viên, người lao động ở các dịch vụ trực thuộc Công ty, tiền ăn ca được tính: 6000đ/ngày công/người.

- Những nhân viên thường xuyên làm trong môi trường độc hại sẽ được hưởng phụ cấp theo quy định là: 4000đ/ngày công/người.

## BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

---

- Căn cứ vào thời gian làm thêm giờ của cán bộ, công nhân Công ty quy định :
- + Nhân viên thuộc khối văn phòng nếu làm thêm vào ngày làm việc bình thường thì cứ 2 giờ sẽ tính nửa ngày công. ( 60.000đ/ngày công).
- + Với những lao động trực tiếp như: lái xe, thợ cơ khí - sửa chữa thì cứ 1 giờ làm thêm sẽ được 30.000đ/người .
- BHXH BHYT của cán bộ, công nhân viên, người lao động trong công ty sẽ được công ty đóng toàn bộ bằng 20% lương cơ bản, 5% còn lại được ”công ty mẹ” là công ty cổ phần tiếp vận vinafco trả .
- Công nhân viên, người lao động nếu nghỉ làm được hưởng BHXH sẽ được BHXH trả thay lương với tỷ lệ 75% lương cơ bản, lao động nữ nghỉ thai sản sẽ được hưởng 100% lương cơ bản.

### **5. Thực tế công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH tiếp cận Vinafco trong tháng 03/2006.**

BẢNG HỆ SỐ LƯƠNG SẢN PHẨM ĐANG THỰC HIỆN

tt	Họ và tên	Hệ số	Phụ cấp trách nhiệm	
	<b>Ban giám đốc</b>			
1	Dương đức Tặng	15.000.000		
2	Nguyễn Anh Tuấn	8.000.000		
3	Nguyễn Trọng Bạ	8.000.000		
4	Nguyễn Văn Thu	7.000.000		
	<b>Phòng Kế toán</b>			
5	Phạm Thanh Hương	2.7		từ 01/02/06
6	Nguyễn Minh Phương	1.7		
7	Nguyễn Thu Hà	1.7		
8	Trần Văn Khanh	1.5		
9	Vũ Huy Sơn	2.5		từ 01/02/06
10	Nguyễn Mạnh Hải	1.5		
	<b>Phòng NC</b>			
<b>11</b>	<b>Vũ văn Tấn</b>	<b>2.9</b>	<b>0.2</b>	
12	Nguyễn Kim Hoa	1.2		

## BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

13	Nguyễn Đăng Thanh	1.4	0.3	
14	Phạm Thu Hằng	1.4		từ 01/02/06
15	Nông Văn Hải	1.7		
16	Nguyễn Minh Khiêm	1.8		
17	Nguyễn thị Hoài Hương	1.8		
18	Đình Trung Hiếu	1.3	0.3	
19	Nguyễn Đăng Khoa	1.4	0.3	
20	Hoàng Gia Định	0.9		
21	Dương Đức Tuấn	0.9		
	<b>Phòng KD</b>			
22	Hà Thành Trung	3.2		từ 01/02/06
23	Đình Xuân Hưng	3.2		từ 01/02/06
24	Nguyễn Ngọc Trung	1.6		
25	Hà Xuân Trường	1.6		
26	Nguyễn Khắc Dũng	1.2		
27	Ngô Minh Quyên	1.8	0.2	từ 01/02/06
28	Lê Liên Thủy	1.7		
29	Trần Trung Thành	1.7		
30	Nguyễn Việt Hùng	1.6		
31	Nguyễn Ngọc Hải	1.2		
32	Nguyễn T Hùng	1.7		từ 01/02/06
33	Vũ Tuấn Sơn	1.2		từ 01/02/06
34	Nguyễn đặc Tháng	1.6		
35	Nguyễn Bá Thế	1.5		từ 01/02/06
36	Hoàng Gia Lượng	1.4		
37	Nguyễn T Đoàn	1.2	0.2	
38	Nguyễn V Tới	3000000		
39	Lê Giang Phong	1.2		
	Nguyễn Thành Mẫn	1.4		Từ 01/04/06
	Nguyễn Long Vỹ	1.4		Từ 01/04/06
	<b>Văn phòng Sài gòn</b>			
40	Nguyễn Ngọc Tính	3.3	0.8	từ 01/02/06
41	Vũ Thị N Tuyết	3.1	0.8	từ 01/02/06
42	Nguyễn Huy Dương	1.6	0.4	
43	Đỗ Văn Hiếu	1.3	0.3	
44	Nguyễn Xuân Phương	1.2	0.3	
45	Võ Thúc Linh	1.1	0.3	
46	Nguyễn Ngọc Tuấn	1.2	0.3	
47	Nguyễn Đ Ngọc	1.5	0.3	



## BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

	Huỳnh T Xuân Mai			
	<b>TTTVBĐ</b>			
47	Bùi Tường Hiếu	4	0.5	từ 01/02/06
48	Hà Văn Phái	3.2		từ 01/02/06
49	Lại Thị Dòn	1.2	0.1	
50	Phạm Anh Phong	1.6		
51	Phùng Thế Phương	1.8	0.1	
52	Lương T Lệ	1.5		
53	Vũ Quang Hưng	1		từ 01/02/06
54	Đoàn Kiều Linh	1.2		từ 01/02/06
55	Chu Xuân Tú	1		từ 01/02/06
56	Thân Trọng Kiên	1		
57	Mai Văn Lâm	1.1		
58	Đỗ H Anh	1		từ 01/02/06
59	Nguyễn K Oanh	0.7		
60	Bùi Thị Hoàn	0.7		
61	Hà văn Nam	0.9		
	Nguyễn Phú Cường	1.3	0.1	từ 01/02/06
62	Ngô văn Nghị	0.9		
63	Bùi Huynh Thắng	1		
64	Đào Xuân Thành	0.9		
65	Mai Thanh Hải	0.9		
66	Nguyễn Đức Chinh	1		
67	Hoàng Như Liên	0.9		
69	Trần Quang Khoản	0.9		
	<b>P thông quan</b>			
70	Tô Thị Hồng Nhật	4		từ 01/02/06
71	Trần Văn Nhân	1.2		
72	Trần Thị Thuý	1.5		
73	Phạm Thanh Huyền	1.5		
74	Đỗ Hoàng Phương	1		
75	Phạm công Huân	1.6		
76	Bùi Thục Anh	2		từ 01/02/06
77	Nguyễn Ngọc Dương	1.5		từ 01/02/06
78	Nguyễn Thiện Vinh	1		từ 01/02/07
	<b>Sơn ICI</b>			
78	Đặng Tiến Thành	2	0.3	từ 01/02/06
79	Trần Q Hương	1.4		
80	Nguyễn Quỳnh Trang	1.3		

## BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

81	Vũ Huyền Linh	1		
82	Nguyễn Thị Thuý	1.3		
83	Hà Phương Chi	1.6	0.2	từ 01/02/06
84	Hoàng Thu Hằng	1		
85	Nguyễn T Phương	1		
86	Dương Phi Hùng	1.2	0.2	
87	Nguyễn V Truyền	1.1		
88	Nguyễn Mạnh Tuấn	1		
89	Lê V hà	1		
90	Nguyễn V Dũng	1		
91	Trần Q Khánh	1		
	Nguyễn Quỳnh Anh	0.9		Từ 01/03/06
	Nguyễn Thị Hiền	0.9		Từ 01/03/06
	Thân Đình Nghĩa	0.8		Từ 01/03/06
	Nguyễn Quang Tín	0.8		Từ 01/03/06
	<b>TTTTTS</b>			
92	Lê Anh Thảo	3.4		từ 01/02/06
93	Trần Văn Phú	1.4	0.1	
94	Lê Hồng Thịnh	1.6		
95	Lê Đình Trung	1.6		
96	Nguyễn Thanh Tùng	1.5	0.1	
97	Lại Văn Hà	1.6		
98	Phạm Thị Yên	1.2	0.1	
99	Trịnh Thanh Vân	1		
100	Dương Minh Tuấn	1.6		
101	Trương Khắc Sử	1	0.1	
102	Đặng Hoàng Tùng	0.9		
103	Nguyễn Văn Trự	1		
104	Nguyễn Văn Thịnh	0.9		
105	Đặng nguyên Long	1.4		
106	Hoàng Thu Hạnh	1.4	0.1	
107	Nguyễn Thu Lê	0.9		
108	Phạm văn Thăng	0.9		
109	Lêu văn Tha	0.9		
110	Phạm Tuấn Hải	0.9		
	<b>Kho xe Máy</b>			
111	Hoàng Ngọc Anh	2.2	0.2	từ 01/02/06
112	Bùi văn Hoà			
113	Nguyễn Minh Khánh	0.9		

## BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

114	Nguyễn Anh Ngọc	1	0.1	
115	Tạ Quang Vinh	1	0.1	
116	Mai Văn Nghĩa	0.9		
117	Bùi Văn Trường	0.9		
118	Bùi Hoài Giang	0.9		
119	Nguyễn Văn Minh	0.9		
120	Mai Văn Kiên	0.9		
121	Nguyễn Hoàng Chính	0.9		
122	Nguyễn Minh Hải	0.9		
123	Vũ Đại Minh	0.9		
124	Nguyễn Đức Thuận	1.3		
125	Đào Xuân Cao	0.9		
126	Đỗ Năng Kim	2.2		từ 01/02/06
	Nguyễn Thành Diệu			
	<b>Phòng vận tải</b>			
126	Lê Hùng	3.3		
127	Kiều Anh Tuấn	2.7		
128	Khổng Hữu Tuấn	1.7		
129	Nguyễn Quang Huy	1.3	0.1	

Công ty TNHH tiếp vận Vinafco thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên làm 2 kỳ:

Kỳ I : Tạm ứng lương vào ngày 26 hàng tháng.

Kỳ II : Thanh toán lương kể từ ngày mùng 5 đến ngày mùng 8 tháng sau.

Kỳ tạm ứng = 65% x Tổng quỹ lương cơ bản của công ty.

- Tiền tạm ứng được chia theo tổ, phòng ban; căn cứ vào số tiền thanh toán tạm ứng kế toán tiến hành lập phiếu chi, căn cứ vào phiếu chi và các bảng thanh toán tạm ứng của tổ, phòng ban, thủ quỹ tiến hành chi.

## BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG ỦNG THÁNG 3/2006

STT	Họ và tên	Tạm ứng	Ký nhận
	<b>Ban giám đốc</b>	<b>16.000.000</b>	
1	Dương đức Tặng	8.000.000	
2	Nguyễn Anh Tuấn	4.000.000	
3	Nguyễn Trọng Bạ	4.000.000	
	<b>Phòng Kế toán</b>	<b>7.300.000</b>	
4	Phạm Thanh Hương	1.500.000	
5	Nguyễn Minh Phương	700.000	
6	Nguyễn Thu Hà	700.000	
7	Trần Văn Khanh	700.000	
8	Vũ Huy Sơn	700.000	
9	Nguyễn Văn Thu	3.000.000	
	<b>Phòng nhân chính</b>	<b>8.500.000</b>	
10	Nguyễn Kim Hoa	700.000	
11	Nguyễn Đăng Thanh	700.000	
12	Phạm Thu Hằng	700.000	
13	Nông Văn Hải	700.000	
14	Nguyễn Minh Khiêm	700.000	
15	Nguyễn thị Hoài Hương	700.000	
16	Đinh Trung Hiếu	700.000	
17	Nguyễn Đăng Khoa	700.000	
18	Hoàng Gia Định	700.000	
19	Dương Đức Tuấn	700.000	
20	Vũ Văn Tấn	1.500.000	
	<b>Phòng kinh doanh</b>	<b>15.900.000</b>	

## BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

21	Đinh Xuân Hưng	1.500.000	
22	Nguyễn Ngọc Trung	700.000	
23	Hà Xuân Trường	700.000	
24	Nguyễn Khắc Dũng	700.000	
25	Ngô Minh Quyên	700.000	
26	Lê Liên Thủy	700.000	
27	Trần Trung Thành	700.000	
28	Nguyễn Việt Hùng	700.000	
29	Nguyễn Ngọc Hải	700.000	
30	Nguyễn T Hùng	700.000	
31	Vũ Tuấn Sơn	700.000	
32	Nguyễn đặc Tháng	700.000	
33	Nguyễn Bá Thế	700.000	
34	Hoàng Gia Lượng	700.000	
35	Nguyễn T Đoàn	700.000	
36	Nguyễn V Tới	1.000.000	
37	Lê Giang Phong	700.000	
38	Nguyễn Thành Mẫn	700.000	
39	Nguyễn Long Vỹ	700.000	
40	Hà Thành Trung	1.500.000	
	<b>Văn phòng Sài gòn</b>	<b>13.900.000</b>	
41	Nguyễn Ngọc Tính	700.000	
42	Vũ Thị N Tuyết	1.500.000	
43	Nguyễn Huy Dương	700.000	
44	Đỗ Văn Hiếu	700.000	
45	Nguyễn Xuân Phương	700.000	

## BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

46	Võ Thúc Linh	700.000	
48	Nguyễn Ngọc Tuấn	700.000	
49	Nguyễn Đ Ngọc	700.000	
50	Huỳnh T Xuân Mai	700.000	
	<b>TTTTVBD</b>	<b>13.900.900</b>	
51	Bùi Tường Hiếu	1.500.000	
52	Hà Văn Phái	1.500.000	
53	Lại Thị Dòn	700.000	
54	Phạm Anh Phong	700.000	
55	Phùng Thế Phương	700.000	
56	Lương T Lệ	700.000	
57	Vũ Quang Hưng	700.000	
58	Đoàn Kiều Linh	500.000	
59	Chu Xuân Tú	700.000	
60	Thân Trọng Kiên	500.000	
61	Mai Văn Lâm	500.000	
62	Đỗ H Anh	700.000	
63	Nguyễn K Oanh	300.000	
64	Bùi Thị Hoàn	300.000	
65	Hà văn Nam	400.000	
66	Nguyễn Phú Cường	400.000	
67	Ngô văn Nghị	400.000	
68	Bùi Huỳnh Thắng	400.000	
69	Đào Xuân Thành	400.000	
70	Mai Thanh Hải	400.000	
71	Nguyễn Đức Chinh	400.000	

## BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

72	Hoàng Như Liên	400.000	
72	Trần Quang Khoản	400.000	
	<b>P thông quan</b>		
73	Tô Thị Hồng Nhật	<b>1.500.000</b>	
74	Trần Văn Nhân	700.000	
75	Trần Thị Thủy	700.000	
76	Phạm Thanh Huyền	700.000	
77	Đỗ Hoàng Phương	700.000	
78	Phạm công Huân	700.000	
79	Bùi Thục Anh	700.000	
80	Nguyễn Ngọc Dương	700.000	
81	Nguyễn Thiện Vinh	700.000	
	<b>Son ICI</b>	<b>7.400.000</b>	
82	Trần Q Hương	700.000	
83	Nguyễn Quỳnh Trang	700.000	
84	Vũ Huyền Linh	700.000	
85	Nguyễn Thị Thủy	700.000	
86	Hà Phương Chi	700.000	
87	Hoàng Thu Hằng	700.000	
88	Nguyễn T Phương	700.000	
89	Dương Phi Hùng	700.000	
90	Nguyễn V Truyền	700.000	
91	Đặng Tiến Thành	700.000	
92	Phạm Quang Tín	400.000	
	<b>Cộng</b>	<b>83.900.000</b>	

**Bằng chữ: Tám mươi ba triệu chín trăm ngàn đồng chẵn./**

**PHIẾU CHI**

**Ngày 26 tháng 3 năm 2006**

**Quyển số: 03**

**Nợ: 334**

**Có: 111**

**Họ tên người nhận: Vũ Văn Tấn**

**Địa chỉ: Phòng Nhân Chính**

**Lý do chi: Trả lương kỳ I/ 03/ 2006**

**Số tiền: 8.500.000 đồng**

**Bằng chữ: Tám triệu năm trăm ngàn đồng chẵn.**

Người lập phiếu  
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền  
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Kỳ II: Căn cứ vào bảng lương tháng của từng bộ phận, từng đơn vị trực thuộc kế toán tiền lương tiến hành tổng hợp thanh toán tiền lương, kế toán tiền lương sẽ tổng hợp theo từng bộ phận, sau khi được sự đồng ý của kế toán trưởng, giám đốc sẽ chuyển bảng tổng hợp cho kế toán thanh toán để lập phiếu chi. Số tiền kỳ II được xác định như sau:

Số tiền được lĩnh kỳ II = Tổng số tiền lương phải trả - Số tiền CNV đã nhận tạm ứng – số tiền các khoản phải trừ vào lương.



**BẢNG CHẤM CÔNG  
TRUNG TÂM TIẾP VẬN TIÊN SƠN**

TT	Họ và tên	Ngày dương lịch trong tháng																															Công công			
		T2	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30		31		
1	Đặng Tiến Thành		1	1	1	0.5		1	1	1	1	1	0.5		1	1	1	1	1	0.5		1	1	1	1	1			1	1	1	1	1		24	
2	Trần Q Hưng		1	1	1	1		1	1	1	1	1			1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1			1	1	1	1	1		25,5	
3	Nguyễn Q Trang		1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1		25	
4	Vũ Huyền Linh		1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1			1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1		26	
5	Nguyễn Thị Thuỷ		1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	0.5		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1		25.5	
6	Hà Phương Chi		1	1	1			1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1		25	
7	Hoàng Thu Hằng		1	1	1	1		1	1	1	1	1			1	1	1	1	1			1	1	1	1	1			1	1	1	1	1		24.5	
8	Nguyễn Thị Phương		1	1	1			1	1	1	1	1			1	1	1	1	1			1	1	1	1	1			1	1	1	1	1		23	
9	Dương Phi Hùng		1	1	1			1	1	1	1	1			1	1	1	1	1	0.5		1	1	1	1	1			1	1	1	1	1		23.5	
10	Nguyễn Văn Truyền		1	1	1			1	1	1	1	1			1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1		25	
11	Nguyễn Quang Tín		1	1	1	1		1	1	1	1	1			1	1	1	1	1			1	1	1	1	1			1	1	1	1	1		24	
12	Nguyễn Mạnh Tuấn		1	1	1			1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1			1	1	1	1	1			1	1	1	1	1		24	
13	Trần Quốc Khánh		1	1	1			1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1		26	

Bắc Ninh, ngày 31 tháng 3 năm 2006

LÃNH ĐẠO CÔNG TY

TTTV TIÊN SƠN

NGƯỜI CHẤM CÔNG

PHÒNG THÔNG QUAN - XUẤT NHẬP KHẨU

**BẢNG CHẤM CÔNG**  
**Tháng 03 năm 2006**

TT	Họ và tên	Ngày dương lịch trong tháng																														Công công	Công ôm	Ghi chú	
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30				31
1	Tô Thị Hồng Nhật	1	1	1			ô	ô	ô	1	1			1	1	1	1	1			1	1	1	1	1			CT	CT	CT	CT	1	20.0	3	
2	Trần Văn Nhân	1	1	1			1	0	1	1	2			1	1	1	2	0		1	1	1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	25.0		
3	Trần Thị Thuý	1	1	1			1	1	1	1	1			1	1	1	1	1			1	1	1	1	1			0.5	1	1	1	1	22.5		
4	Phạm T. Thanh Huyền	1	1	1			1	1	1	1	1			1	1	1	1	1	0.5	1	1	1	1	1	1			1	1	1	1	1	24.5		
5	Đỗ Hoàng Phương	1	0	2			0	1	2	1	1		0.5	1	1	1	1	1			1	1	1	1	P			P	P	P	P	P	17.5		
6	Phạm Công Huân	1	2	1			1	1	1	1	1			1	CT	CT	CT	CT	0.5		1	1	1	2	0			1	1	1	1	1	24.5		
7	Bùi Thị Thục Anh	0	1	1			1	1	1	1	1			1	1	1	1	1			1	1	1	1	1			1	1	1	0.5	1	21.5		
8	Nguyễn Ngọc Dương	1	1	0.5			1	1	1	1	1			1	1	1	CT	CT			1	1	1	1	1			1	1	1	1	1	22.5		
9	Nguyễn Thiện Vinh	1	1	1			1	1	1	1	1			1	1	1	1	1		1	1	1	1	2	1			1	1	1	1	1	25.0		

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2006

LÃNH ĐẠO CÔNG TY DUYỆT

P.THÔNG QUAN - XUẤT NHẬP KHẨU

NGƯỜI CHẤM CÔNG

**Bảng thanh toán tiền lương tháng 3 năm 2006**

**Các Phòng ban quản lý công ty**

TT	Họ và tên	Lương sản phẩm				Lương cơ bản			Lương SP	Công ăn ca	ăn ca	Tổng lĩnh	Tạm ứng	Tổng nợ	Khấu trừ 6% LCB	Còn lĩnh	Ký nhận
		NC	Tiền	HSs	Tiền	HS	NC	Tiền									
<b>I</b>	<b>Ban giám đốc</b>		<b>31.000.000</b>		<b>31.000.000</b>					<b>576.000</b>	<b>31.576.000</b>	<b>16.000.000</b>			<b>15.576.000</b>		
1	Dương Đức Tăng	23.5	15.000.000		15.000.000	6.31			15.000.000	23.5	184.000	15.184.000	8.000.000		7.184.000		
2	Nguyễn Anh Tuấn	23	8.000.000		8.000.000	5.32			8.000.000	23	184.000	8.184.000	4.000.000		4.184.000		
3	Nguyễn Trọng Bạ	26.5	8.000.000		8.000.000	5.32			8.000.000	26.5	208.000	8.208.000	4.000.000		4.208.000		
<b>II</b>	<b>Phòng kế toán</b>		<b>7.300.000</b>		<b>19.930.000</b>				<b>19.930.000</b>		<b>1.040.000</b>	<b>20.970.200</b>	<b>7.300.000</b>		<b>13.670.100</b>		
4	Nguyễn Văn Thu	23	7.000.000		7.000.000	3.89			7.000.000	23	184.000	7.184.000	3.000.000		4.184.000		
5	Phạm Thanh Hương	23	60.000	2.7	3.726.000	2.34			3.726.000	23	184.000	3.910.000	1.500.000		2.410.000		
6	Nguyễn Minh Phương	22	60.000	1.7	2.244.000	2.34			2.244.000	22	176.000	2.420.000	700.000		1.720.000		
7	Nguyễn Thu Hà	22.5	60.000	1.7	2.295.000	2.37			2.295.000	22.5	176.000	2.471.000	700.000		1.771.000		
8	Trần Văn Khanh	23.5	60.000	1.5	2.115.000	1.99			2.115.000	23.5	184.000	2.299.000	700.000		1.599.000		
9	Vũ Huy Sơn	17	60.000	2.5	2.550.000	1.28			2.550.000	17	136.000	2.686.000	700.000		1.986.000		
<b>III</b>	<b>Phòng Nhân chính</b>				<b>26.079.000</b>				<b>26.079.000</b>		<b>2.192.000</b>	<b>28.271.000</b>	<b>8.500.000</b>		<b>19.771.000</b>		
10	Vũ Văn Tấn	23.5	60.000	3.1	4.371.000	3.89			4.371.000	23.5	184.000	4.555.000	1.500.000		3.055.000		
11	Nguyễn Kim Hoa	25	60.000	1.2	1.800.000	2.2			1.800.000	25	200.000	2.000.000	700.000		1.300.000		

## BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

12	Nguyễn Đăng Thanh	22.5	60.000	1.7	2.295.000	1.99		2.295.000	22.5	176.000	2.471.000	700.000			1.771.000
13	Phạm Thu Hằng	26	60.000	1.4	2.184.000	2.2		2.184.000	26	208.000	2.392.000	700.000			1.692.000
14	Nông Văn Hải	22.5	60.000	1.7	2.295.000	2.34		2.295.000	22.5	176.000	2.471.000	700.000			1.771.000
15	Nguyễn Minh Khiêm	25.5	60.000	1.8	2.754.000	2.85		2.754.000	25.5	200.000	2.954.000	700.000			2.254.000
16	Nguyễn Hoài Hương	23	60.000	1.8	2.484.000	1.99		2.484.000	23	184.000	2.668.000	700.000			1.968.000
17	Đình Trung Hiếu	24	60.000	1.6	2.304.000	2.28		2.304.000	24	192.000	2.496.000	700.000			1.796.000
18	Nguyễn Đăng Khoa	22	60.000	1.7	2.244.000	3.05		2.244.000	22	176.000	2.420.000	700.000			1.720.000
19	Hoàng Gia Định	31	60.000	0.9	1.674.000	1.7		1.674.000	31	248.000	1.922.000	700.000			1.222.000
20	Dương Đức Tuấn	31	60.000	0.9	1.674.000	1.67		1.674.000	31	248.000	1.922.000	700.000			1.222.000
<b>IV</b>	<b>Phòng Kinh doanh</b>							<b>45.252.182</b>		<b>3.656.000</b>		<b>15.900.000</b>			<b>33.008.182</b>
21	Hà Thành Trung	23	60.000	3.2	4.416.000	3.09		4.416.000	23	184.000	4.600.000	1.500.000			3.100.000
22	Đình Xuân Hưng	22	60.000	3.2	4.224.000	2.37		4.224.000	22	176.000	4.400.000	1.500.000			2.900.000
23	Nguyễn Ngọc Trung	22.5	60.000	1.6	2.160.000	2.37		2.160.000	22.5	176.000	2.336.000	700.000			1.636.000
24	Hà Xuân Trường	23.5	60.000	1.6	2.256.000	2.34		2.256.000	23.5	184.000	2.440.000	700.000			1.740.000
25	Nguyễn Khắc Dũng	23	60.000	1.2	1.656.000	2.2		1.656.000	23	184.000	1.840.000	700.000			1.140.000
26	Ngô Minh Quyên	23	60.000	2	2.760.000	2.85		2.760.000	23	184.000	2.944.000	700.000	200.000		2.044.000
27	Lê Liên Thủy	25	60.000	1.7	2.550.000	2.2		2.550.000	25	200.000	2.750.000	700.000			2.050.000
28	Trần Trung thành	24.5	60.000	1.7	2.499.000	1.89		2.499.000	24.5	192.000	2.691.000	700.000			1.991.000
29	Nguyễn Việt Hùng	24	60.000	1.6	2.304.000	1.7		2.304.000	24	192.000	2.496.000	700.000			1.796.000
30	Nguyễn Ngọc Hải	24	60.000	1.2	1.728.000	2.6		1.728.000	24	192.000	1.920.000	700.000			1.220.000

## BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

31	Nguyễn T. Tùng	22.5	60.000	1.7	2.295.000	1.7		2.295.000	22.5	176.000	2.471.000	700.000			1.771.000
32	Vũ Tuấn Sơn	23	60.000	1.2	1.656.000	2.85		1.656.000	23	184.000	1.840.000	700.000			1.140.000
33	Nguyễn Đức Thắng	24.5	60.000	1.6	2.352.000	2.28		2.352.000	24.5	192.000	2.544.000	700.000			1.844.000
34	Hoàng Gia Lượng	22	60.000	1.4	1.848.000	2.34		1.848.000	22	176.000	2.024.000	700.000			1.324.000
35	Nguyễn Tuấn Đoàn	23	60.000	1.4	1.932.000	2.34		1.932.000	23	184.000	2.116.000	700.000			1.416.000
36	Nguyễn V. Tới	23	3.000.000		3.000.000	1.6		3.000.000	23	184.000	3.184.000	700.000			2.484.000
37	Lê Giang Phong	24	60.000	1.2	1.728.000	1.6		1.728.000	24	192.000	1.920.000	700.000			1.220.000
38	Nguyễn Thành Mẫn	20	1.000.000		909.091	1.6		909.091	20	160.000	1.069.091	700.000			369.091
39	Nguyễn Long Vỹ	20	1.000.000		909.091	1.6		909.091	20	160.000	1.069.091	700.000			369.091
40	Nguyễn Bá Thế	23	60.000	1.5	2.070.000	2.34		2.070.000	23	184.000	2.254.000	700.000			1.554.000
<b>V</b>	<b>Văn Phòng Sài Gòn</b>				<b>26.802.000</b>			<b>26.802.000</b>		<b>1.644.000</b>	<b>28.466.200</b>	<b>7.100.000</b>			<b>21.346.000</b>
41	Nguyễn Ngọc Tính	22	60.000	4.1	5.412.000	3.98		5.412.000	22	176.000	5.588.000	700.000			4.888.000
42	Vũ Thị N. Tuyết	23.5	60.000	3.9	5.499.000	3.98		5.499.000	23.5	184.000	5.683.000	1.500.000			4.183.000
43	Nguyễn Huy Dưỡng	23	60.000	2	2.760.000	3.05		2.760.000	23	184.000	2.944.000	700.000			2.244.000
44	Đỗ Văn Hiếu	24	60.000	1.6	2.304.000	2.85		2.304.000	24	192.000	2.496.000	700.000			1.796.000
45	Nguyễn Xuân Phương	23	60.000	1.5	2.070.000	2.34		2.070.000	23	184.000	2.254.000	700.000			1.554.000
46	Võ Thúc Linh	22.5	60.000	1.4	1.890.000	1.99		1.890.000	22.5	176.000	2.066.000	700.000			1.366.000
47	Nguyễn Ngọc Tuấn	24.5	60.000	1.5	2.205.000	2.2		2.205.000	24.5	192.000	2.397.000	700.000			1.697.000
48	Nguyễn Đức Ngọc	24	60.000	1.8	2.592.000	2.34		2.592.000	24	192.000	2.784.000	700.000			2.084.000
49	Huỳnh T. Xuân Mai	23	60.000	1.5	2.070.000	2.28		2.070.000	23	184.000	2.254.000	700.000			1.554.000
	<b>Cộng</b>		<b>45.520.000</b>		<b>253.245.000</b>					<b>9.108.000</b>	<b>158.171.182</b>	<b>54.800.000</b>	<b>200.000</b>		<b>103.371.182</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2006

Kế toán tiền lương

Kế toán trưởng

Lãnh đạo công ty

**Bản thanh toán tiền lương tháng 3-2006**

Trung tâm Tiếp vận Bạch Đằng

STT	Họ và tên	Lương sản phẩm				Lương CB			Lương sản phẩm	Công ăn ca	ăn ca	Tổng lĩnh	Tạm ứng	Tổng nợ	Khấu trừ 6% LCB	Còn lĩnh ký nhận	Ký nhận
		NC	Tiền	HS	Tiền	HS	NC	Tiền									
1	Bùi Tường Hiếu	23.0	60.000	4.5	6.210.000	3.89			6210000	23	138000	6348000	1500000			4848000	
2	Hà Văn Thái	22.5	60.000	3.2	4.320.000	3.05			4320000	22	132000	4452000	1500000			2952000	
3	Lại Thị Dòn	24.0	60.000	1.3	1.872.000	1.99			1872000	24	144000	2016000	700000			1316000	
4	Phạm Anh Phong	23.0	60.000	1.6	2.208.000	2.2			2208000	23	138000	2346000	700000			1646000	
5	Phùng Thế Phương	22.0	60.000	1.9	2.508.000	2.28			2508000	22	132000	2640000	700000			1940000	
6	Lương T.Lệ	23.0	60.000	1.5	2.070.000	2.2			2070000	23	138000	2208000	700000			1508000	
7	Vũ Quang Hưng	23.5	60.000	1	1.410.000	1.7			1410000	24	138000	1548000	700000			848000	
8	Đoàn Kiều Linh	23.5	60.000	1.2	1.692.000	1.99			1692000	24	138000	1830000	500000	300000		1030000	
9	Chu Xuân Tú	23.0	60.000	1	1.380.000	1.5			1380000	23	138000	1518000	700000			818000	
10	Thân Trọng Kiên	24.0	60.000	1	1.440.000	1.5			1440000	24	144000	1584000	500000			1084000	
11	Mai Văn Lâm	24.5	60.000	1.1	1.617.000	1.7			1617000	25	144000	1761000	500000			1261000	
12	Đỗ Hoàng Anh	25.0	60.000	1	1.500.000	1.6			1500000	25	150000	1650000	700000			950000	
13	Nguyễn K. Oanh	24.0	60.000	0.7	1.008.000	1.7			1008000	24	144000	1152000	300000			852000	
14	Bùi Thị Hoàn	23.5	60.000	0.7	1.269.000	1.5			1269000	24	138000	1407000	300000			1107000	

## BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

---

15	Hà Văn Nam	22.0	60.000	0.9	1.848.000	2.28		1848000	22	132000	1980000	400000		1580000
16	Nguyễn Phú Cường	24.0	60.000	1.4	1.440.000	2.34		1440000	24	144000	1584000	700000		884000
17	Bùi Huỳnh Thăng	23.0	60.000	1	1.242.000	1.67		1242000	23	138000	1380000	400000		980000
18	Đào Xuân Thành	23.0	60.000	0.9	1.242.000	1.67		1242000	23	138000	1380000	400000		980000
19	Mai Thanh Hải	25.0	60.000	0.9	1.500.000	1.7		1500000	25	150000	1650000	400000		1250000
20	Nguyễn Đức Chinh	24.5	60.000	1	1.323.000	1.99		1323000	25	144000	1467000	400000		1067000
21	Hoàng Như Liên	24.0	60.000	0.9	1.296.000	1.7		1296000	24	144000	1440000	400000		1040000
22	Ngô Văn Nghị	23.0	60.000	0.9	1.242.000	1.67		1242000	23	138000	1380000	400000		980000
23	Trần Quang Khoản	25.0	60.000	0.9	1.350.000	1.99		1350000	25	150000	1500000	400000		1100000
24	<b>Công</b>							<b>42.756.000</b>		<b>3.234.000</b>	<b>45.990.000</b>	<b>13.900.000</b>	<b>300000</b>	<b>31.790.000</b>

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2006

Kế toán tiền lương

Kế toán trưởng

Lãnh đạo công ty

**Bảng thanh toán tiền lương tháng 3-2006**

Phòng Thông quan - Xuất nhập khẩu

STT	Họ và tên	Lương sản phẩm				Lương CB			Lương sản phẩm	Công ăn ca	ăn ca	Tổng lĩnh	Tạm ứng	Tổng nợ	Khấu trừ 6% LCB	Còn lĩnh	Ký nhận
		NC	Tiền	HS	Tiền	HS	NC	Tiền									
1	Tô Thị Hồng Nhật	20.0	60.000	4	4.800.000	3.89			4.800.000	20	120.000	4920000	1.500.000			3420000	
2	Trần Văn Nhẫn	25.0	60.000	1.2	1.800.000	2.2			1.800.000	25	150.000	1950000	700.000			1250000	
3	Trần Thị Thuý	22.5	60.000	1.5	2.025.000	2.34			2.025.000	23	132.000	2157000	700.000			1457000	
4	Phạm T Thanh Huyền	24.5	60.000	1.5	2.205.000	2.34			2.205.000	25	144.000	2349000	700.000			1649000	
5	Đỗ Hoàng Phương	17.5	60.000	1	1.050.000	1.99			1.050.000	18	102.000	1152000	700.000			452000	
6	Phạm Công Huân	24.5	60.000	1.6	2.352.000	1.28			2.352.000	25	144.000	2496000	700.000			1796000	
7	Bùi T. Thục Anh	21.5	60.000	2	2.580.000	2.34			2.580.000	22	126.000	2706000	700.000			2006000	
8	Nguyễn Ngọc Dương	22.5	60.000	1.5	2.025.000	2.85			2.025.000	23	132.000	2157000	700.000			1457000	
9	Nguyễn Thiện Vinh	25.0	60.000	1	1.500.000	1.99			1.500.000	25	150.000	1650000	700.000			950000	
	<b>Cộng</b>										<b>1.200.000</b>	<b>21.537000</b>	<b>7.100.000</b>			<b>14.437.000</b>	

Kế toán tiền lương

Kế toán trưởng

Lãnh đạo công ty



**Bảng thanh toán lương kỳ II tháng 3-2006**

Phòng Sơn ICI

Họ và tên	Lương sản phẩm				Lương CB			Lương sản phẩm	Công ăn ca	ăn ca	Tổng lĩnh	Tạm ứng	Tổng nợ	Khấu trừ 6% LCB	Còn lĩnh ký nhận	Ký nhận
	NC	Tiền	HS	Tiền	HS	NC	Tiền									
Đặng Tiến Thành	24.0	60.000	2.3	3312000	3.05			3.312.000	24	144.000	3.456.00	700.000			2756000	
Trần Q. Thương	25.5	60.000	1.4	2142000	2.31			2.142.000	25	150.000	2.292.000	700.000			1592000	
Nguyễn Q.Trang	25.0	60.000	1.3	1950000	1.67			1.950.000	25	150.000	2.100.000	700.000	300.000		1100000	
Vũ Huyền Linh	26.0	60.000	1	1560000	1.67			1.560.000	26	156.000	1.716.000	700.000			1016000	
Nguyễn Thị Thuỷ	26.5	60.000	1.3	2067000	2.25			2.067.000	26	156.000	2.223.000	700.000			1523000	
Hà Phương Chi	25.0	60.000	1.8	2700000	2.8			2.700.000	25	150.000	2.850.000	700.000			2150000	
Hoàng Thu Hằng	24.9	60.000	1	1491000	1.99			1.491.000	24	144.000	1.635.000	700.000			914000	
Nguyễn Thị Phương	23.0	60.000	1	1380000	1.7			1.380.000	23	138.000	1.518.000	700.000			818000	
Dương Phi Hùng	23.5	60.000	1.4	1974000	2.2			1.974.000	23	138.000	2.112.000	700.000			1412000	
Nguyễn Văn Truyền	25.0	60.000	1.1	1650000	1.7			1.650.000	25	150.000	1.800.000	700.000			1100000	
Nguyễn Quang Týn	24.0	60.000	0.8	1152000	1.5			1.152.000	24	144.000	1.296.000	400.000			896000	
Nguyễn Mạnh Tuấn	24.0	60.000	1	1440000	1.6			1.440.000	24	144.000	1.584.000	400.000	100.000		1084000	
Trần Quốc Khánh	26.0	60.000	1	1560000	1.5			1.560.000	26	156.000	1.716.000	300.000			1416000	
<b>Cộng</b>								<b>24.357.000</b>		<b>156000</b>	<b>262277000</b>	<b>8.100.000</b>	<b>400.000</b>		<b>17.777.000</b>	

Kế toán tiền lương

Kế toán trưởng

Lãnh đạo công ty

# BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

## Bảng thanh toán lương kỳ II tháng 3-2006

TTTT Tiên sơn

T t	Họ và tên	Lương sản phẩm				Lương CB			Lương thời gian		Độc hại	Lương sản phẩm	Công ăn ca	TỔNG LÍNH	Tạm ứng	Tổng nợ	6% Khấu trừ LCB	Còn lĩnh ký nhận	Ký nhận			
		NC	Tiền	HS	Tiền	HS	NC	Tiền	NC	Tiền												
	<b>Văn phòng</b>												<b>2.382.000</b>	<b>33.855.000</b>	<b>10.800.000</b>	<b>200.000</b>		<b>22855.000</b>				
1	Lê Anh Thái	25.5	60.000	3.4	5.202.000	4.11						5.202.000	25	150.000	5.352.000	1.500.000			3.852.000			
2	Trần Văn Phú	24.5	60.000	1.5	2.205.000	2.2						2.205.000	24	144.000	2.349.000	1.000.000	200.000			1.349.000		
3	Lê Hồng Thịnh	18	60.000	1.6	1.728.000	1.99						1.728.000	18	84.000	1.812.000	700.000				1.112.000		
4	Lê Đình Trung	24.5	60.000	1.6	2.352.000	2.34						2.352.000	24	144.000	2.496.000	700.000				1.796.000		
5	Nguyễn Thanh Tùng	23.5	60.000	1.6	2.256.000	2.34						2.256.000	23	138.000	2.394.000	700.000				1.694.000		
6	Lai Văn Hà	26	60.000	1.6	2.496.000	2.71						2.496.000	26	156.000	2.652.000	700.000				1.952.000		
7	Phạm Thị Yến	24.5	60.000	1.3	1.911.000	2.28						1.911.000	24	144.000	2.055.000	700.000				1.355.000		
8	Dương Minh Tuấn	23	60.000	1.6	2.208.000	1.7						2.208.000	23	138.000	2.346.000	700.000				1.646.000		
9	Trương Khắc Sử	24	60.000	1.1	1.584.000	1.6						1.584.000	24	144.000	1.728.000	700.000				1.028.000		
10	Trịnh Văn Tường	23	60.000	1	1.380.000	1.67						1.380.000	23	138.000	1.518.000	700.000				818.000		
11	Đặng Hoàng Tùng	27	60.000	0.9	1.458.000	1.5						1.458.000	27	162.000	1.620.000	400.000				1.220.000		
12	Nguyễn Văn Trụ	11	60.000	1	660.000	1.6						660.000	11	66.000	726.000	400.000				326.000		
13	Nguyễn Thị Lê	24.5	60.000	0.9	1.323.000	1.5						1.323.000	24	144.000	1.467.000	700.000				767.000		
14	Phạm Văn Thăng	26	60.000	0.9	1.404.000	1.67						1.404.000	26	156.000	1.560.000	400.000				1.160.000		
15	Lưu Văn Tha	32	60.000	0.9	1.728.000	1.99						1.728.000	32	192.000	1.920.000	400.000				1.520.000		
16	Phạm Tuấn Hải	31	60.000	0.9	1.674.000	1.7						1.674.000	31	186.000	1.860.000	400.000				1.460.000		
	Kho xe máy				25.737.000							25.737.000		2.382.000	28.359.000	6.700.000	100.000				21.559.000	
17	Hoàng Ngọc Anh	26	60.000	2.4	3.744.000	3.05						3.744.000	26	156.000	3.900.000	700.000				3.200.000		
18	Bùi Văn Hoà	24.5	60.000	1	1.470.000	1.7						1.470.000	24	144.000	1.614.000	400.000				1.214.000		

## BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

19	Nguyễn Minh Khánh	19	60.000	0.9	1.026.000	1.67					1.026.000	19	114.000	1.140.000	400.000			740.000
20	Nguyễn Anh Ngọc	23	60.000	1.1	1.518.000	1.99					1.518.000	23	138.000	1.656.000	400.000			1.256.000
21	Tạ Quanh vinh	24	60.000	1.1	1.584.000	1.99			5	150.000	1.734.000	24	144.000	1.878.000	400.000			1.478.000
22	Mai Văn Nghĩa	26	60.000	0.9	1.404.000	1.6					1.404.000	26	156.000	1.560.000	400.000			1.160.000
23	Bùi Văn Trường	24.5	60.000	0.9	1.323.000	1.5					1.323.000	24	144.000	1.467.000	400.000			1.067.000
24	Bùi Hoàng Giang	23.5	60.000	0.9	1.269.000	1.6					1.269.000	23	138.000	1.407.000	400.000			1.007.000
25	Nguyễn Văn Minh	26	60.000	0.9	1.404.000	1.6					1.404.000	26	156.000	1.560.000	400.000			1.160.000
26	Mai Văn Kiên	25	60.000	0.9	1.350.000	1.5					1.350.000	25	150.000	1.500.000	400.000	100.000		1.100.000
27	Nguyễn Hoàng Chính	26	60.000	0.9	1.404.000	1.6					1.404.000	26	156.000	1.560.000	400.000			1.160.000
28	Nguyễn Minh Hải	24	60.000	0.9	1.296.000	1.67					1.296.000	24	144.000	1.440.000	400.000			1.040.000
29	Vũ Đại Minh	25.5	60.000	0.9	1.377.000	1.67			3	90.000	1.377.000	25	150.000	1.527.000	400.000			1.127.000
30	Nguyễn Đức Thuận	25	60.000	1.3	1.950.000	1.99					1.950.000	25	150.000	2.100.000	400.000			1.700.000
31	Đào Xuân Cao	27	60.000	0.9	1.458.000	1.7					1.458.000	27	162.000	1.620.000	400.000			1.220.000
32	Nguyễn Thành Diệu	30	60.000	1.2	2.160.000	2.2					2.160.000	30	180.000	2.340.000	400.000			1.940.000
	<b>Dấu mobil</b>				<b>6798075</b>						<b>7.466.075</b>		<b>906.000</b>	<b>8.372.075</b>	<b>2.400.000</b>			<b>5.972.075</b>
33	Nguyễn Hữu Thiện	21	1.000.000		807692				2	60.000	84.000	21	126.000	1.017.692	400.000			617.713
34	Ngô Văn Nghiêm	28	1.000.000		1076923						112.000	28	168.000	1.416923	400.000			1.016.951
35	Trần Quang Trung	24	1.500.000		1384615						96.000	24	144.000	1.624.615	400.000			1.224.639
36	Nguyễn Xuân Cường	25.5	1.500.000		1471153						102.000	25	150.000	1.723.153	400.000			1.323.178
37	Đỗ Năng Kim	26.5	1.000.000		1019231						106.000	26	156.000	1.281.231	400.000			881.257
38	Lê Tiến Hùng	27	1.000.000		1038461					300.000	108.000	27	162.000	1.308.46	400.000			908.488
	<b>Cộng</b>									<b>300.000</b>	<b>608.000</b>		<b>5.574.000</b>	<b>70.586.075</b>	<b>19.900.000</b>	<b>300.000</b>		<b>50.386.075</b>

Kế toán tiền lương

Kế toán trưởng

Lãnh đạo công ty

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
NGHỈ ỒM HƯỞNG BHXH**

Quyển số : 32

Số : 048

Họ và tên : ĐINH TRỌNG HÙNG

Đơn vị công tác : Công ty tiếp vận VINAFCO

Lý do nghỉ việc : viêm đại tràng

Số ngày nghỉ : 3

(Từ ngày 1/03/2006 đến hết ngày 3/03/2006)

Xác nhận của phụ trách đơn vị

Ngày 3 tháng 11 năm 2003

Số ngày thực nghỉ 3 ngày

Y bác sĩ KCB

**PHẦN BHXH**

**Số sổ BHXH**

- 1 - Số ngày thực nghỉ hưởng BHXH : 8 ngày
- 2 - Lũy kế ngày nghỉ cùng chế độ
- 3 - Lương tháng đóng BHXH : 1191900
- 4 - Lương bình quân ngày : 45.842 đồng
- 5 - Tỷ lệ hưởng BHXH : 75%
- 6 - Số tiền hưởng BHXH : 275000 đồng

Ngày 05 tháng 03 năm 2006

Cán bộ cơ quan BHXH

Phụ trách BHXH của đơn vị

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

## **PHIẾU THANH TOÁN TRỢ CẤP BHXH**

Họ và tên : ĐINH TRỌNG HÙNG

Nghề nghiệp, chức vụ : cán bộ

Đơn vị công tác : Công ty TNHH VINAFCO

Thời gian đóng bảo hiểm : 20 năm

Tiền lương đóng bảo hiểm trước khi nghỉ : 1.191.000 đồng

Số ngày được nghỉ : 8 ngày

### **TRỢ CẤP**

- Mức 75% x 8ngày =275.000 đồng

- Mức 70 % .....

- Mức 65% .....

Bằng chữ : hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng chẵn./

Ghi chú

.....  
.....

Hà nội, 15/03/2006

**Người lĩnh tiền**

**Kế toán**

**BCH công đoàn**

## BẢNG TỔNG HỢP LƯƠNG THÁNG 03/2006

<b>Đối tượng sử dụng</b>	<b>Lương chính</b>	<b>Lương phụ</b>	<b>Phụ cấp</b>	<b>Các khoản khác</b>	<b>Cộng lương</b>
Ban giám đốc	31.000.000		576.000		31.576.000
Phòng kế toán	19.930.000		1.040.000		20.970.000

Phòng nhân chính	26.079.000		2.192.000		28.271.000
Phòng kinh doanh	45.252.182		3.656.000		48.908.182
Văn phòng Sài Gòn	26.802.000		1.644.000		28.446.000
TTTTV Bạch Đằng	42.756.000		3.234.000		45.990.000
phòng TQ - XNK	20.337.000		1.200.000		21.537.000
Phòng Sơn ICI	24.357.000		1.920.000		26.277.000
TTTTV Tiên Sơn	64.104.075	300.000	5.574.000	608.000	70.586.075
Phòng vận tải	51.930.929	360.000	1.770.000	444.000	54.504.929
Cộng	352.548.186	660.000	22.806.000	1.052.000	377.066.186

Kế toán tiền lương

Kế toán trưởng

Lãnh đạo công ty

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN BHXH  
THÁNG 03/2006**

T T	Họ và tên	Nghỉ ốm		Nghỉ con ốm		Nghỉ đẻ		Nghỉ tai nạn lao động		Tổng số tiền	Ký nhận
		SN	ST	SN	ST	SN	ST	SN	ST		
1	Đình Trọng Hùng	8	275.000							257.000	

2	Mai Thanh Hải	12	376.400							376.400	
3	Lê Xuân Đại	06	110.400							110.400	
4	Lê Hồng Thịnh			07	137.700					137.700	
5	Đỗ Hoàng Phương			06	109.900					109.900	
6	Đoàn Kiều Linh					104	3.204.500			3.204.500	
7	Nguyễn Văn Trụ							11	163.100	163.100	
5	Nguyễn Minh Khánh							05	82.500	82.500	
9	Vũ Thanh Bình							12	258.000	258.000	
Cộng			761.800		247.600		3.204.500		503.600	4.717.500	

Ấn định chi: Bốn triệu bảy trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng.

Kế toán tiền lương

Kế toán trưởng

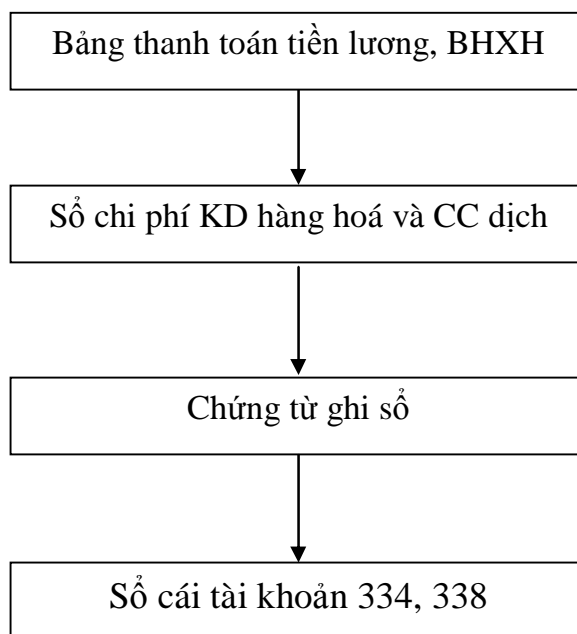
Lãnh đạo công ty



**BẢNG TÍNH BHXH VÀ BHYT THÁNG 03/2006**

STT	Họ và tên	Lương cơ bản	BHXH & BHYT (20% x LCB x 350.000)	Ghi chú
	<b>Ban Giám đốc</b>		<b>1.186.500</b>	
1	Dương Đức Tạng	6,31	441.700	
2	Nguyễn Anh Tuấn	5,32	372.400	
3	Nguyễn Trọng Bạ	5,32	372.400	
	<b>Phòng Kế toán</b>		<b>994.700</b>	
1	Nguyễn Văn Thu	3,89	272.300	
2	Phạm Thanh Hương	2,34	163.800	
3	Nguyễn Minh Phương	2,34	163.800	
4	Nguyễn Thu Hà	2,37	165.900	
5	Trần Văn Khanh	1,99	139.300	
6	Vũ Huy Sơn	1,28	89.600	
	<b>Phòng Nhân chính</b>		<b>1.831.200</b>	
1	Vũ Văn Tấn	3,89	272.300	
2	Nguyễn Kim Hoa	2,2	154.000	
3	Nguyễn Đăng Thanh	1,99	139.300	
4	Phạm Thu Hằng	2,2	154.000	
5	Nông Văn Hải	2,34	163.800	
6	Nguyễn Minh Khiêm	2,85	199.500	
7	Nguyễn Thị Hoài Hương	1,99	139.300	
8	Đình Trung Hiếu	2,28	159.600	
9	Nguyễn Đăng Khoa	3,05	213.500	
10	Hoàng Gia Định	1,7	119.000	
11	Dương Đức Tuấn	1,67	116.900	
	<b>Phòng Kinh doanh</b>		<b>3.213.936</b>	
	<b>Văn phòng Sài Gòn</b>		<b>1.750.700</b>	
	<b>TTTV Bạch Đằng</b>		<b>3.206.700</b>	
	<b>Phòng TQ-XNK</b>		<b>1.555.400</b>	
	<b>Phòng Sơn ICI</b>		<b>1.815.800</b>	
	<b>Phòng Vận tải</b>		<b>6.397.108</b>	
	<b>TTTV Tiên Sơn</b>		<b>5.753.515</b>	
	<b>Cộng</b>		<b>27.687.559</b>	

**6. TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN TỔNG HỢP TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG CỦA CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN VINAFCO.**



- Căn cứ vào bảng thanh toán tiền lương, bảng thanh toán BHXH kế toán vào sổ chi phí kinh doanh hàng hoá và cung cấp dịch vụ như sau:

**SỔ CHI PHÍ KINH DOANH HÀNG HOÁ VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

Tài khoản: 627

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	Ghi chú
	SH	NT				
31/3	1201	29/3	Trích lương tháng 03/2006			
			- Tiền lương phải trả CNV phòng vận tải	334	54.504.929	
			- Tiền lương phải trả CNV phòng Sơn ICI	334	26.277.000	
			BHXX, BHYT trích theo lương của			
			- CNV phòng vận tải	338	6.379.108	
			- CNV phòng Sơn ICI	338	1.815.800	

Ngày 31 tháng 3 năm 2006

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

**SỔ CHI PHÍ KINH DOANH HÀNG HOÁ VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

Tài khoản: 641

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	Ghi chú
	SH	NT				
31/03	1210	29/03	Trích lương tháng 03/2006			
			- Phải trả các phòng ban quản lý doanh nghiệp	334	158.171.182	
			- Phải trả CNV ở TTVT Bạch Đằng	334	45.990.000	
			Phải trả CNV ở phòng Thông quan - XNK	334	21.537.000	
			Phải trả CNV ở TTVT Tiên Sơn	334	70.586.075	
			BHXX, BHYT trích theo lương của cán bộ CNV	338	19.492.651	

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

- Căn cứ vào sổ chi phí kinh doanh kế toán lập chứng từ ghi sổ

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 9028

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Tiền lương phải trả CNV phòng vận tải, phòng sơn ICI	627	334	80.781.929	
BHXH, BHYT trích theo lương	627	338	8.194.908	

Ngày 31/3/2006

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

### CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 9029

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
- Tiền lương phải trả CNV ở các phòng ban quản lý, các trung tâm tiếp vận, phòng Thông quan	641	334	296.284.258	
- BHXH, BHYT trích theo lương	641	338	19.492.651	

Ngày 31/3/2006

**Người lập**

**Kế toán trưởng**



Từ chứng từ ghi sổ kế toán vào sổ cái

**SỔ CÁI**

Tài khoản: 334

Năm 2006

*Đơn vị: Đồng*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số phát sinh		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
05/03	1053	04/03	-Chi TM ứng lương cho CNV	111	117.000.000		
31/03	1201	29/03	- Trích lương tháng 3 của CNV phòng VT, phòng Sơn ICI	627		80.781.929	
31/03	1201	29/03	- Trích lương tháng 3 của CNV các phòng ban QLDN	641		296.284.258	
			- Trừ lương tháng 3 của CNV	141	2.863.131		

Ngày 31 tháng 3 năm 2006

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Thủ trưởng**

**SỔ CÁI**  
Tài khoản:338  
Năm 2006

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh		Ghi chú
	SH	NT			Nợ	Có	
			...				
25/03	1307	25/0 3	- Thu tiền CNV được hưởng BHXH	111		4.717.500	
			- Trích BHXH, BHYT từ	627		8.194.908	
31/03	1201	29/0 3	lương của cán bộ, CNV	641		19.492.65 1	
			- Chi TGNH nộp BHXH, BHYT	112	27.687.55 9		

Ngày 31 tháng 3 năm 2001

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Thủ trưởng**

**7. Nhận xét khái quát về thực tế công tác hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương của công ty TNHH Tiếp vận Vinafco.**

- Qua một thời gian nghiên cứu công tác kế toán nói chung, đặc biệt là công tác hạch toán tiền lương, các khoản trích theo lương cũng như tình hình sử dụng lao động tại công ty Vinafco, trên cơ sở những kiến thức và phương pháp luận đã được trang bị tại trường, em xin có một số nhận xét khái quát như sau:

*7.1. Ưu điểm:*

- Doanh nghiệp có nhiều loại lao động khác nhau, việc phân loại lao động phù hợp đã dẫn đến việc sử dụng, bồi dưỡng, tuyển dụng và huy động lao động hợp lý, nâng cao hiệu quả sử dụng lao động.

- Trong công tác kế toán, công ty đã không ngừng từng bước kiện toàn bộ máy kế toán của mình. Bộ máy kế toán được tổ chức chuyên sâu, mỗi kế toán chịu trách nhiệm về một phần hành cụ thể nên phát huy được tính chủ động, sự thành thạo trong công việc.

- Công tác quyết toán hàng quý, hàng năm đều được thực hiện tốt, rõ ràng và đúng thời gian. Nhờ đội ngũ nhân viên kế toán có năng lực và không ngừng học hỏi để nâng cao trình độ nên trong thời gian vừa qua đã cung cấp thông tin kịp thời, chính xác phục vụ đắc lực cho lãnh đạo công ty đã tổ chức bộ máy kế toán tương đối hoàn chỉnh, góp phần tích cực vào quá trình kinh doanh của công ty.

- Công ty đã áp dụng những thành tựu công nghệ thông tin vào công tác kế toán. Phần mềm kế toán được sử dụng có hiệu quả. Điều này làm giảm bớt sự phức tạp, công kênh trong công tác ghi chép sổ sách kế toán, tạo điều kiện cho các nhân viên đi sâu vào chuyên môn tiết kiệm được tối ưu thời gian hao phí.

- Công ty đã áp dụng hình thức trả lương hợp lý, việc tính toán tiền lương, tiền thưởng đã phản ánh đúng kết quả lao động của từng người, đồng thời đã điều hoà thu nhập giữa cán bộ CNV nên thực sự kích thích mọi người làm việc tốt, cố gắng nâng cao trình độ chuyên môn tay nghề và trung thành với công ty. Do vậy việc tính toán tiền lương, thưởng đã giúp cho việc quản trị kinh doanh đạt kết quả cao.

## *7.2. Nhược điểm*



- Công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương cần được kịp thời và đúng hạn hơn nữa vì đây là điều kiện đảm bảo quyền lợi và chế độ cho người lao động.

- Số lượng kế toán làm công việc tiền lương, BHXH thì ít mà khối lượng công việc lại quá nhiều nên kế toán tiền lương tương đối vất vả.

- Bộ máy quản lý của doanh nghiệp tương đối công kênh.

### *7.3. Một vài kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiền lương.*

- Để công tác hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương thực sự phát huy được vai trò là một công cụ hữu hiệu qua thì vấn đề đặt ra cho những cán bộ làm công tác kế toán trong doanh nghiệp là phải luông nghiên cứu để hoàn thiện hơn nữa công tác này. Riêng em với mong muốn công tác này ở công ty TNHH Vinafco ngày càng củng cố hoàn thiện hơn, góp phần tăng cường công tác quản trị công ty, em xin trình bày một số kiến nghị sau:

+ Một là: trên cơ sở hạch toán thống kê, kiểm tra lại tiền lương, đánh giá năng lực sở trường của từng cán bộ, các điểm mạnh ,điểm yếu chỗ nào cần khắc phục, cắt giảm chi phí, để điều động sắp xếp lại cho hợp lý.

+ Hai là: Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, rút gọn các phòng ban để có biện pháp và chế độ tiền lương rõ ràng và phù hợp với từng cá nhân tập thể.

+ Ba là: Có chính sách tiền lương rõ ràng và phù hợp với từng cá nhân tập thể.

+ Bốn là: Bố trí hợp lý số lao động chuyên môn được cập nhật với trình độ thực tế.

+ Năm là: Tiền lương cần tính đúng, tính đủ, dựa trên cơ sở giá trị sức lao động, chẳng hạn những người làm việc có hiệu quả thì cần phải trả lương không chỉ theo công việc mà còn phải theo số lượng và hiệu quả của người lao động chứ không chỉ theo bằng cấp.



### **CHƯƠNG III: KẾT LUẬN**

Để xây dựng và phát triển một nền sản xuất hành hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường, tiền lương và các khoản trích theo lương phải thực sự làm được chức năng là đòn bẩy kinh tế, phải trở thành động lực chính thúc đẩy tăng năng suất lao động, hiệu quả công việc. Mỗi hình thức trả lương đều có ưu điểm nhược điểm riêng, tùy từng doanh nghiệp chọn cho mình một hình thức phù hợp nhất đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động, tổng hoà giữa các lợi ích : nhà nước, doanh nghiệp và người lao động.

Công tác hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương đóng góp rất lớn trong quản lý lao động tiền lương. Nếu được hạch toán đúng, đủ, chính xác sẽ là động lực thúc đẩy người lao động nâng cao năng suất lao động, phát huy sáng tạo, góp phần hoàn thành công việc được giao – là phương cách đúng đắn nhất để tăng thu nhập cho chính mình, tích lũy cho doanh nghiệp và cho xã hội. Trong điều kiện kinh tế hiện nay việc nâng cao chất lượng công tác trả lương theo thời gian là nhiệm vụ lâu dài của các doanh nghiệp nói chung và Công ty TNHH VINAFCO nói riêng để ngày càng hoàn thiện, phù hợp với công tác quản lý và hạch toán lao động.

Vì thời gian và kiến thức còn nhiều hạn chế nên bài viết còn nhiều sai sót và những biện pháp đưa ra chưa được thích hợp. kính mong được sự quan tâm chỉ bảo của các thầy cô giáo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên để bài viết hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin gửi lời cảm ơn đến cô giáo Lê Thu Vân, cô Nguyễn Thị Thuý Hằng và toàn thể các cán bộ nhân viên Công ty TNHH tiếp vận VINAFCO đã giúp đỡ em trong quá trình thực tập.

***Xin chân thành cảm ơn***

**Hà nội, ngày 12 tháng 05 năm 2006**

## NHẬN XÉT CỦA ĐƠN VỊ THỰC TẬP

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

*Hà Nội, ngày .... tháng năm 2006*